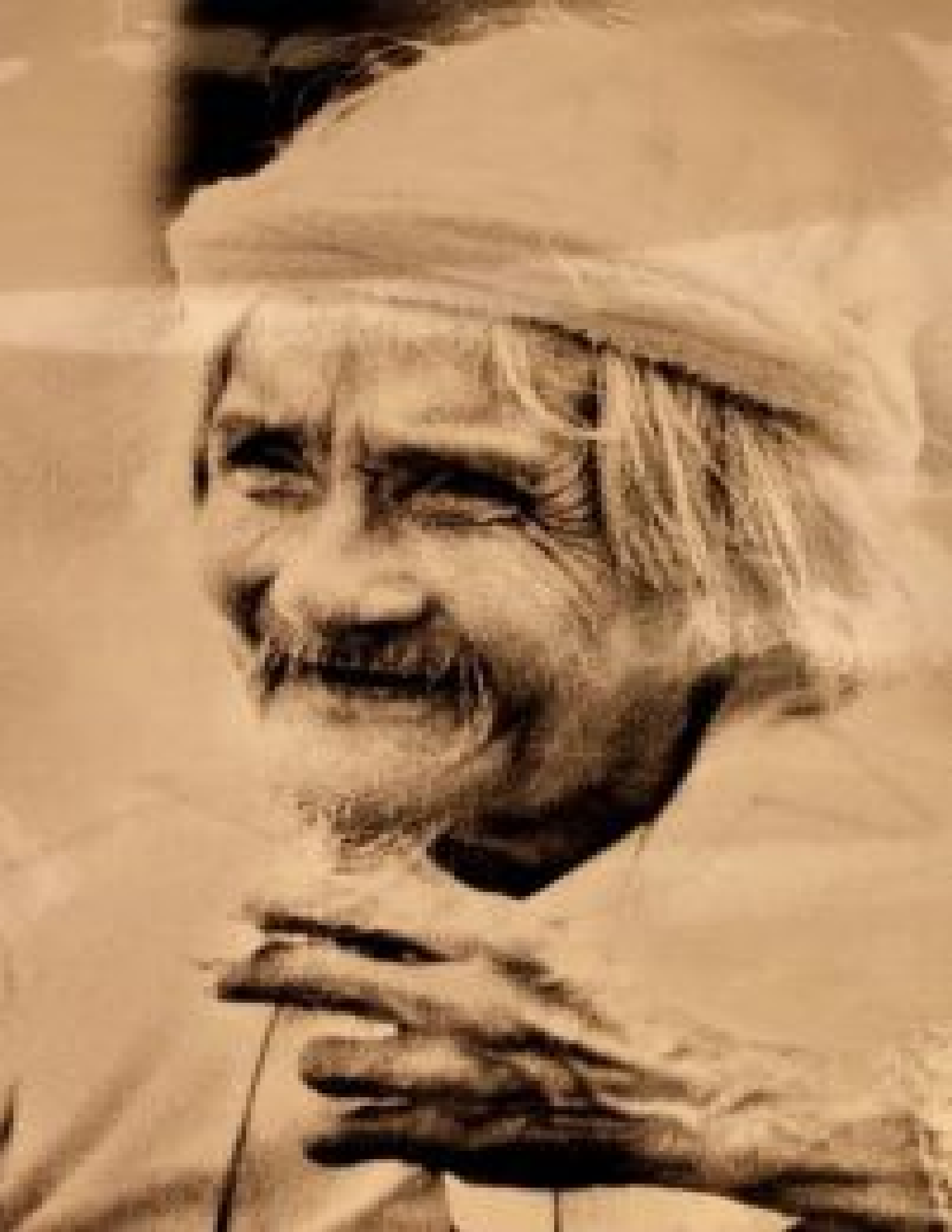




Bùi Giáng

Thi
ca
tư
tương



Bùi Giáng



Thi ca tư tưởng

Bùi Giáng

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[Phạm Hầu](#)

[Hồ Dzếnh](#)

[Nguyễn Du](#)

[Phạm Hầu](#)

[Ngân Giang nữ sỹ](#)

[Vân Đài](#)

[Xuân Diệu](#)

[Hồ Dzếnh](#)

[Đinh Hùng](#)

[Trần Thy Nhã Ca](#)

[Martin Heidegger](#)

[Nguyễn Du](#)

[Hoài Khanh](#)

[Người Tàu dịch Tây](#)

[Hoài Thanh](#)

[Đào Duy Anh](#)

[Khổng Tử](#)

[Hồ Dzếnh](#)

[Phạm Thị Lan](#)

[Albert Camus](#)

[Lê Đình Thám](#)

[Trí Hải Ni Cô](#)

[Hoài Thanh](#)

[Huy Cận](#)

[Martin Heidegger](#)

[Hồ Dzếnh](#)

[Mai Vân Thu](#)

[Hàn Mạc Tử](#)

[Đinh Hùng](#)

[Phổ Đức](#)

[Hồ Xuân Dzếnh](#)

[Đinh Hùng](#)

[Vũ Hoàng Chương](#)

[Hàn Mạc Tử](#)

[Hồ Dzếnh](#)

[Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử](#)

[Xuân Diệu](#)

[Nguyễn Bính](#)

[Huy Cận, Xuân Diệu](#)

[Phương Tâm](#)

[Thích Thiên Thư](#)

[Thích Trung Tử](#)

[Mẫu Thân Phùng Khánh](#)

[Đăng Tấn Tới](#)
[Trí Hải Ni Cô](#)
[Ponce Pilate](#)
[Tư Tưởng và Thi Ca](#)
[Trần Xuân Kiêm](#)

*Đi vào cõi thơ
Ghé chơi một trận
Bằng bước gót phiêu bồng
Cõi thơ là cõi bồng phiêu
Hoặc phiêu bồng tâm sự tân toan lệ
Hoặc phiêu bồng tâm ý du dương tiếu
Hoặc phiêu bồng tâm mộng trúc loạn ty*

*Hoặc sao thì hoặc
Dù sao thì dù
Thể thái sao thì thể thái
Cốt cách nghiêm nhiên rất mực
Vẫn là bất tuyệt phiêu bồng*

*Vậy kẻ nào
Tự xét mình
Từ trong tình thể mà ra
Chả có chi là phiêu bồng tí chút
Thì chả nên cưỡng cầu
Tự ép uống
Ghé vào thi ca thâm xứ làm chi
Cho luống cái công lao trí hải
Cho phí cái công trình bình sinh tâm nguyện
Nay kính cần để kê khai vô dũ ngữ*

(Bùi Giáng)

*Ví đem vào Sổ Đoạn Trường
Thì treo giải Một mà nhường cho hai*

(Thúy Vân và Tam Hợp Đạo Cô)

Phạm Hầu

*Đưa tay ta vẫy ngoài vô tận
Chẳng biết xa lòng có những ai*

Đó là hai câu thơ cuối bài “Vọng Hải Đài”. Đó cũng là bầu khí hậu mệnh mang sầu cô độc bàng bạc khắp mấy bài thơ của Phạm Hầu còn rơi rớt lại chúng ta ngày nay.

“Chúng tôi đã cố công sưu tầm nhưng chỉ được đãi ngộ sáu bài thơ. Âu cũng lấy đó là niềm vui vậy.” (Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến)

Hai ông Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng đã viết một bài hoàn hảo về Phạm Hầu.

*Chẳng biết trong lòng ghi những ai?
Thềm son từng dãi gót vân hài
Hỡi ơi! Người chỉ là du khách
Giây phút dừng chân vọng hải đài*

Kể từ ngày gặp Phạm Hầu trong *Thi Nhân Việt Nam* (của Hoài Thanh Hoài Chân) tới nay đã ngót một phần tư thế kỷ. Thằng học sinh đầu xanh nay tóc đã bạc. Nó xin đọc ôn lại thơ Phạm Hầu.

*Mãi dân trọn hồn vui muôn độ trước
Chưa đủ sao? Đòi đòi hỏi thêm chi?
Tai chờ nghe, mi trĩu nặng từ bi
Gió bốn hướng dẫn cò trong tử biệt*

Phạm Hầu viết những lời như thế thuở ông hai mươi mấy tuổi đầu. Hai mươi mấy tuổi mà dường như đã có đủ trong hồn một trăm năm đạo hạnh. Ông đi vào thi ca, nghệ thuật, với tâm hồn con người thanh tu đạt đạo. Người thanh niên ấy đã biết khước từ hết mọi thứ “dưỡng chất trần gian” và âm thầm gửi cho trần gian một chút tặng vật nho nhỏ.

Ngò đâu tặng vật nho nhỏ kia lại khổng lồ như một Kim Tự Tháp nằm giữa sa mạc mệnh mông để ghi lại ngắn tích một nền văn minh huyền ảo nhất thế gian.

Ông là con nhà thế phiệt trâm anh. Ông được kế thừa “y bát” của phụ thân Phạm Liệu. Y bát chân truyền kia đã đặt toàn khối văn học từ tưởng Trung Hoa tới đứng trước trận gió Tây Phương thổi lại. Thơ Phạm Hầu từ đó là cái vùng kết tinh của hai thể tinh văn minh. Hai văn minh đang gặp gỡ nhau, gùn ghè gần bó hay tương tranh tiêu diệt nhau chơi? Chẳng rõ. Nhưng cái Tại Thế Thi Nhân của Phạm Hầu đã chịu hiến dâng thân mình ra làm Trường Sở Trụ cho cuộc cơn kia. Ông chấp thuận cuộc hôn phối cũng như cuộc giăng cò. Và đem thân mình làm chiếc dương cầm cho ngân lên những cung bậc mệnh mang chưa từng thấy trong văn chương kim cổ.

*Mãi dân trọn hồn vui muôn độ trước
Chưa đủ sao? Đòi đòi hỏi thêm chi?
Tai chờ nghe, mi trĩu nặng từ bi
Gió bốn hướng dẫn cò trong tử biệt*

Trong Thi Ca Tiền Chiến, đã có một Xuân Diệu làm người thanh niên ráo riết, một Huy Cận làm người thanh niên ngậm ngùi, một Hàn Mặc Tử làm người thanh niên đau khổ cực độ, Chế Lan Viên làm người chứng nhân cho điêu tàn, Hồ Dzếnh làm người đề huề giao hảo...lại thêm một Phạm Hầu làm người nghệ sỹ cao vời trang trọng mang một thánh tính u u ẩn ẩn như Nerval. Phạm Hầu mở ra trở lại chân trời bát ngát của Nguyễn Du trong giai đoạn cuối buổi Hoàng Hôn. Ông nói ít hơn Nguyễn Du, ông không đi vào giữa những thiên vạn thể của biển dâu, ông chỉ đơn sơ có mấy lời, nhưng mấy lời đào sâu khôn tả trong mạch giếng tâm thanh. “Mãi Dân Trọn Hồn Vui” là một kỳ tác muốn chìm sâu xuống mạch thẩm sinh tồn. Rồi khi ta cũng chịu ngập mình xuống đáy thăm kia, thì kỳ tác nọ bỗng hiện thị như một Tòa Cổ Tháp nguy nga. Xin chép hết ra đây bài thơ đấy.

Mãi dân trọn hồn vui

*Mãi dân trọn hồn vui muôn độ trước
Chưa đủ sao? Đòi đòi hỏi thêm chi?
Tai chờ nghe, mi trĩu nặng từ bi*

Gió bốn hướng dăng co trong tử biệt

*Tiếng rên siết giờ tàn khi chấm hết
Cảnh thường xuyên đêm sáng đổi thay màu
Tim nhói lên nức nở những Ban Đầu
Những giờ cuối rơi rơi thắm tuyệt vọng*

*Hay đời hồi thịt êm và tử nóng
Tôi xin nằm yên ổn cả chân tay
Nắng có lên không mượn rợp cây bầy
Mưa có xuống thêm băng hàn chút nữa*

*Trong đầy ải mình trần tê ngọn lửa
Tiệc chim bằng rĩa rói một lòng đơn
Nếu tôi đau mà người nhẹ cảm hờn
Chắc hoa núi vui lay ngàn đóa mộng*

*Muôn miệng thắm tươi nụ cười hé rộng
Muôn chân say lay động khúc quân thiếu
Nếu tôi đau mà người được tin yêu
Trang sách nhỏ nâng niu hồn xứ lạ*

*Trên đêm thúy hoa nô liễu áp má
Đôi bạn đời tay dính nhựa a-giao
Nếu tôi đau, Trời đẹp! Nếu tôi đau
Mà muôn đời mưa nắng hiểu lòng nhau.*

Jesus Christ lúc lên Calvaire, ắt Ngài cũng âm thầm nguyện cầu như lời đó. Ngài đã về giữa bụi hồng, rửa chân cho bụi hồng nhân gian, bây giờ Ngài vĩnh biệt nhân gian, bây giờ Ngài vui lòng vĩnh biệt, và lời chúc phúc tối hậu của Ngài hẳn nhiên là: bụi hồng ở lại hãy tiếp tục rửa chân cho nhau.

Còn Như Lai? Như Lai ồm ờ niêm hoa vì tiểu:- “Ta có thấy bụi hồng nào đâu? Ta đâu nào thấy đâu có bàn chân chi đâu mà rửa với chẳng rửa? – Tu Bồ Đề! Ừ ý vân hà?...”

Như Lai có cái tài tình trong phép đánh trống lảng. Đọc mấy bộ kinh Phật, ta xin xóa hết những nhan đề “Kim Cương Kinh, Bát Nhã Kinh, Bà La Mật Kinh, Hoa Nghiêm Kinh, Pháp Hoa Kinh, Diệu Hoa Kinh, Huyền Hoa Đề Nhị Kinh, Áo Hoặc La Treizième Kinh...” Xóa hết và chép lại là: “Như – Lai – đích – đánh – trống – lảng – tài – tình – tuyệt – kỹ - kinh.

Hồ Dzếnh

*Ta không muốn nắn cung đàn
Đêm xưa dạo dưới trăng vàng đợi em
Bền gì thấp thoáng hương duyên
Đẹp gì mấy sợi mây huyền gọi mơ*

*Thơ dâng ngàn ngút sắc cờ
Máu tươi hoen ố những giờ ái ân
Quên chân là khách dương trần
Trái tim đau xót bao lần vì yêu*

*Bình minh về ánh cao siêu
Lên thay lửa sống tiêu điều ngày xưa
Ta cười thấy chảy duyên mơ
Hân hoan khi xé những tờ... rất thơm*

*Ý thiêng choán hết linh hồn
Còn đâu gió nhớ cung buồn mà ca
Lần đầu trước bóng em xa
Không nghe run trái tim và...rất vui*

(Hoa Xuân Đất Việt)

Nguyễn Du

*Sen tàn cúc lại nở hoa
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân...*

Những câu thơ đẹp thiên hình vạn trạng, Nguyễn Du đã dành riêng cho Thúc Sinh một bờ rất lớn.

*Mây xanh trắng mới in ngần
Phấn thừa hương cũ bội phần xót xa...*

Lưu tâm tới những vần riêng biệt Nguyễn Du dành riêng cho Thúc Sinh, ắt ta sẽ nhận ra một ngụ ý sâu thẳm của Nguyễn Du. Người ta sẽ không xô bồ đứng trên quan điểm tâm lý học để bảo rằng Nguyễn Du đã tả được linh động một nhân vật nhu nhược, sợ vợ, hèn nhát, v.v...

Hình ảnh Thúc Sinh sẽ đứng tại Trung tâm cái vùng tư tưởng thăm thẳm của Liệp Hộ, mà Dịch Kinh sẽ chiếu cố tới bằng những tiếng chả hạn như: “nhứt tịch nhứt hạp vị chi Biến, vãng lai bất cùng vị chi Thông...”

Hoặc: “phù kiên thiên hạ chi chí kiên dã. Đức hạnh hằng dị tri tri hiểm. Phù khôn thiên hạ chi chí thuận dã. Đức hạnh hằng giản dĩ tri trở...”

Hoặc: “Nguy giả, an kỳ vị giả dã. Vong giả báo kỳ tồn giả dã. Loan giả hữu kỳ trị giả dã. Thị cố quân tử an nhi bất vọng nguy, tồn nhi bất vọng vong, trí nhi bất vọng loạn...”

Vân vân vân vân. Và mọi thứ vân vân đều có thể lược giảm về một tiếng đơn sơ “vô khả, vô bất khả”.

Riêng một sự nhầm lẫn dị thường của học giả bấy nay về Thúc Sinh, đủ khiến chúng ta kinh dị hãi hùng, chẳng còn biết ăn nói gì ra gì được cả. Chẳng còn biết phải đặt vấn đề từ đâu ra đâu.

(Đã như vậy, còn biết rõ vào đâu mà bừa bãi nêu câu hỏi về Shakespeare, Homère, Lý Bạch, vân vân?)

Cái cuộc Kim Kiều dễ hiểu. Cuộc Từ Hải Kiều, cũng không rắc rối gì lắm. Nhưng cái cuộc Thúc Sinh Kiều, Hoạn Thư Kiều, lại là cái cuộc hàm hồ gây náo động nhiều nhất trong tác phẩm Nguyễn Du.

Đừng nói chi xa xôi. Chỉ thử hỏi: - Riêng cái việc Kiều tắm hoa trong một mùa Hè, lúc lửa lựu lập lõe đơm bông ở đầu tường, riêng cái việc cô Thúy tắm thôi, đã có gì như một “biến cố” hãi hùng, đến nỗi Nguyễn Du đã phải để chàng Thúc vịnh vào chỗ đó, bằng một bài Đường Thi – nghĩa là bằng cả lịch sử thi ca Trung Quốc? Đem cả một khối lịch sử kia về mở đối thoại với cái tòa thiên nhiên dày sẵn đúc kia, Nguyễn Du có dụng ý gì? Và từ đó Thiên Nhiên (Phusis) đã thành Tượng?

Người ta sẽ xô bồ đáp một cách nông nổi rằng: - Nguyễn Du chả có đặc biệt dụng ý gì hết cả. Ông phỏng theo truyện Tàu, trong truyện Tàu có bài thơ vịnh Kiều tắm, thì ông Nguyễn Du cũng nhắc qua loa cái chuyện Thúc Sinh Vịnh Kiều tắm đấy thôi. Hời ôi! Nếu xét cho cùng kỳ lý, thì trong truyện Tàu lại còn tỷ mỉ ghi chép bài thơ nầy lửa nọ ra:

*Dạ nguyệt thanh lâu đảo ngọc hồ
Mỹ nhân thừa túy khiết cù du
Bằng cơ thỏ phách tranh minh my
Tuyết thái hoa âm bán hữu vô*

*Sở khởi đài tu hô bạn thức
Dạ hành hàm tiểu thiển nhân phò
Lâm ty khoái nhập phù dung trướng
Chẩm thượng để thanh xướng chá cô....*

Bây giờ chúng ta nghĩ sao? Có phải rằng bấy lâu nay những lời bàn tán của chúng ta về Nguyễn Du, chẳng qua chỉ là tán hươu tán vượn? Nếu có đúng chẳng nữa, thì cũng phải nên trả hết những lời ấy về cho truyện Tàu của Thanh Tâm Tài Nhân?

Nếu câu hỏi nào nùng ra như thế, bỗng nhiên chúng ta chạm phải một ẩn ngữ không cách gì trực tiếp giải đáp.

Trong truyện Tàu, quả thật Thanh Tâm Tài Nhân đã có dành cho cặp Thúc Sinh Thúy Kiều một chỗ nằm ngồi rộng rãi tình tứ miên miên. Há đâu phải đợi tới ông Nguyễn Du mới có!

Kiều tiễn Thúc Sinh đi, đề mười bài miên man những tán thán “kim tịch thi hà tịch?” những thở than “vấn quân hà nhật tái quy đầu? Bất tri hà nhật thị quy kỳ?”, chiêm vọng hương quan hà xứ thị?... Thúc Sinh đi rồi, Thúy Kiều nằm trong giường mê man hoài niệm ngâm vịnh sáu bài trùng trùng điệp điệp những “tư quân chi xuất hỹ”, những “bất cảm thượng thanh lâu”, những “bất ngôn diệt bất ngữ”, những “vô nhật bất nam tư”, “tư quân quân bất chí... vân vân...

Kinh khủng thật.

Những lời nồng nàn cháy bỏng máu me liên tồn thốt ra như thế, quả thật không còn coi trời đất ra gì. Chúng ta không dám nấn ná ở lại lâu. Ở lại lâu trong bầu khí hậu đó, ắt sẽ loạn mất tâm thần, tiêu ma tinh thể, còn đâu bình tĩnh sáng suốt mà nhận định đầu vào đầu để bàn tới dụng ý ông Nguyễn Du hay là dụng tâm của ông Du Nguyễn. Xếp lại mọi thứ đó, câu hỏi được nêu thành chất vấn như sau: “Cả ông Nguyễn Du, cả ông Thanh Tâm Tài Nhân, cùng có dụng tâm dụng ý gì, mà lại tả cái cuộc Thúy Kiều Thúc Sinh một cách nào nùng thiết tha như thế?”

Phạm Hào

*Sầu hương hoa gạo đỏ bên chân
Xa nắng chiều hoe nhạt mấy phần*

*Một cột đèn cao mơ góa bụa
Đường dài toan nỗi hận gian truân*

Bốn câu thơ đầu bài “Lý Tưởng” của Phạm Hầu dường như kết tụ cả mối sầu của lớp người ngày trước... Sầu trong *Lửa Thiêng*, sầu trong những vần tịch mịch nhất của Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính... cùng tìm về đây hội họp. Bốn câu quá sức mệnh mang trầm tịch. Dường như tất cả những buổi chiều cô tịch Việt Nam đã ngưng đọng lại một lần. Những buổi chiều Thừa Thiên, chiều Hà Tĩnh, chiều Quảng Ngãi Nam, chiều Sơn Tây...

Nhưng mà thật ra trong bài thơ kia Phạm Hầu không có dụng ý tả buổi chiều gì cả. Nhan đề là “Lý Tưởng”. Người thi sĩ đi theo bóng lý tưởng đã bắt gặp màu sắc chiều tàn. Lý tưởng ở đâu? Thiết tha theo đuổi, nhưng chỉ nhìn thấy hoang vu. Chẳng ra lý tưởng là hoang vu hư không? Phải o bế hư không? Hôn phối với hư không, để thành tựu mộng hồ lý tưởng? Lý tưởng là mộng hồ? Biết rõ mộng hồ mơ góa bụa, sao vẫn cứ đeo đai đòi giao hoan với góa bụa?

*Biết rằng vô ích sao tôi vẫn
Phung phí đời tôi mấy độ tươi*

Cổ kim có một thi nhân, nghệ sỹ, hiền nhân chân chính nào, lại chẳng nhận ra chính mình trong lời thở than đó của Phạm Hầu?

*Đời tôi nếu rụng bao nhiêu sắc
Cũng bởi vì tôi quá mộng hồ*

Nói theo ngôn ngữ bình dân thì ấy chính là cái cuộc:

*Thả mối bắt bóng
Bóng bắt chẳng được
Mối kia không còn
Há chẳng là
Đáng tiếc lắm ru?*

Vâng. Biết rành rành rằng thế là đáng tiếc, mà sao vẫn cứ lu bù mài miệt trong cuộc đáng tiếc kia? Vì sao như thế?

Ấy bởi lẽ trầm trọng sau đây:

Thằng thi sỹ có cái cảm tưởng căc có rằng: nếu từ bỏ cái cuộc cặm cùi loay hoay bắt bóng nọ, đã đành là trách được một cuộc đáng tiếc, nhưng vì lẽ gì, hỡi ôi! Chính cái sự tình tránh được cuộc đáng tiếc, lại chính đó là điều đáng tiếc khôn hàn, gay gắt trong mọi sự đáng tiếc ở đời.

Do đó, dù biết rằng đuổi đeo là đáng tiếc, là mòn thân mỗi thể, thân tàn ma dại, v.v... vẫn cứ ù lỳ đuổi theo mãi mãi suốt một bình sinh.

Thì cũng chẳng khác chi ông già Heidegger suốt một bình sinh cố công nhọc sức chạy đi kiếm tìm hư vô, để nắm lấy cái hư vô mà dắt dìu dẫn nó về cho Tại Thế đem nó ra mà thiết lập căn cơ cho Siêu Hình Học!!! Một hai lặn dận nói mãi rằng Tồn Lưu chỉ có thể nhận diện mình là lúc Tồn Lưu chịu soi bóng mình trong tấm gương vô dạng của Hư Vô!

Một trận hiện diện dị thường trong khiếm diện gây nên một tình tự vừa hoang vắng vừa chan hòa, một khuyết pháp thường hằng lại để mọc ra xum xuê những lá cây viên mãn cứ xô ùa nhau rụng mãi.

Đó là cái tạm gọi là rattachement des extrêmes: participation totale et solitude.

Bây giờ chúng ta nên thử thả đọc lại bài “Lý Tưởng” kia, suốt từ đầu tới cuối, thử đọc thuộc một trận chơi, để xem mai sau trong chiêm bao, có còn cơ hội điều tra ra manh mối chấp chờn kia của “Lý Tưởng”.

Lý Tưởng

*Sầu hương hoa gạo đỏ bên chân
Xa nắng chiều hoe nhạt mấy phần
Một cột đèn cao mơ góa bụa
Đường dài toan nỗi hận gian truân*

*Tôi theo tư tưởng vô cùng tận
Chỉ gặp vô cùng nỗi quạnh hiu
Sáng sớm: rạng đông, chiều: chạng vạng
Những giờ mới lạ có bao nhiêu?*

*Thuở nhỏ đêm mơ nằm thấy bướm
Giờ không mơ bướm lại mơ thơ
Đời tôi nếu rung bao nhiêu sắc
Cũng bởi vì tôi quá mộng hồ.*

*- Ao ước ngày mai sắc nắng thơm
Chiều mai thôi rắng nhuộm cô đơn
Chiều qua gió thổi lời tôi nguyện
Quên thôi giùm tôi hận chấp chờn.*

*Tôi đợi người đây, Tuyệt Đích ơi!
Dấu xa, xa cách mấy phương trời
Biết rằng vô ích sao tôi vẫn
Phung phí đời tôi mấy độ tươi.*

Nếu bây giờ chúng ta đem cái tiếng “lý tưởng” của Phạm Hài ra bài xích theo lối thô thiển của những người chuyên môn đẽo gọt từ ngữ theo lối phân tích tẩn mẩn “hợp thời trang”, thì ắt cái lý tưởng kia không còn đất đứng. Phải xóa sạch nó đi để dọn đường cho khoảng khắc hiện tại. Người ta quên mất rằng mọi ngôn ngữ thi ca là của riêng thi ca. Chúng không có liên can chi tới cái ngôn ngữ máy móc. Chúng nằm trong cái mạch sinh động tuôn trào như một làn phi tuyến từ lòng đất yên nguyên. Chúng nói lên cái niềm ngạc nhiên nguyên thủy của con người đối diện với cõi thế lưu ly. Nó quên bằng mọi thứ nhân tuần cập kê trong xã hội ganh đua. Vì thế nó khai trừ cái “ký ức” lếu láo, cái “kinh nghiệm” bon chen, để phục hồi cái *ký ức mênh mông*, cái *kinh nghiệm bất ngát* trong những cuộc Lữ dị thường “*trải qua một cuộc biển dâu...*”

Muốn quên, thì phải có nhớ. Muốn nhớ thì phải có quên. Nhưng quên cái gì và nhớ cái gì? Người ta xao lãng sự xác định đó. Người ta hí hửng a dua lao đầu tới ghì chộp viên kẹo “mới” và cứ tưởng mình tẩn kỳ biết coi thường cái bánh cũ.

Nếu bây giờ chúng ta thử quên hết mọi giáo lý mà Ki Tô Giáo cũng như Phật Giáo ngày nay nói với ta, thì ắt cái hình ảnh nguyên thủy của Chúa Ki Tô và Như Lai sẽ hiện ra trong một niềm kinh thán bao la. Nếu ta quên đi hết mọi bài giảng giải chuyện Kiêu của giáo dục nhà trường và của mọi ông học giả, ắt Nguyễn Du yên nguyên sẽ hiện trở lại với cái vùng sương bóng của cuộc Lữ mênh mông Liệp Hộ, và của cơn Tích Nhiên bất động của Thanh Hiên. Từ đó sẽ nảy ra một cuộc Hiện Diện vô ngần trong một cuộc Đối Thoai vô tức vô thanh. Vô tức vô thanh, vì nó không liên can chi tới những âm thanh của học giả. Vô ngần nghĩa là vô ngần tích. Cuộc hiện diện vô ngần tích vì nó nằm trong một trận khiêm diện dị thường đối với mọi thứ mưu toan

thủ đoạn.

Bài thơ của Phạm Hài đi về giải thích cho Gia Long cái thái độ im lìm của Nguyễn Du. Giải thích cho Gia Long? Nhưng có đời nào Gia Long hiểu. Những ông vua Gia Long là những ông Chúa Tế Vạn Vật, Những ông ấy không bao giờ chịu làm Kẻ Láng Giếng thơ mộng của Tồn Lưu. Biết rõ rằng những ông ấy không bao giờ nghe ra gì gì cả, nhưng Khổng Tử xưa cũng cứ mở cuộc Lữ Chu Du tới bên gùn ghè đối thoại. Đó cũng là một cách chịu chơi với Sa Mạc. Cuộc Chu Du của Khổng Tử từ đó mang trọn cái ý nghĩa câu thơ:

*Một cột đèn cao mơ góa bụa
Đường dài toan nỗi hận gian truân.*

Ngân Giang nữ sỹ

Xin tặng bà mấy câu thơ tôi lắp lại thơ bà một buổi chiều lơ dờ:

*Hoa đào ngỏ vắng rụng mong manh
Tĩnh giấc trà suông liễu rủ mảnh
Đất lạnh xóm nghèo hoa chậm nở
Can tràng ai hẹn với ngày xanh*

Ngày xưa chúng tôi không được đọc thơ bà. Sách Hoài Thanh Hoài Chân đã bỏ sót. Nay gặp bà trong sách của Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng. Thấy ông Bùi Khánh Đản họa thơ bà, tôi cũng xin nối điệu chút ít. Tôi không biết họa thơ. Xin gieo vài lời vịnh lạc lõng:

*Mưa thu buổi sáng ướt thềm
Tiếng rên rỉ nọ còn thêm nỗi gì.
Dâng lên từng đợt lỗi nghi
Mùa xuân đã chết ai về gọi thu*

Tôi đọc kỹ những bài thơ và văn xuôi của bà trong cuốn sách ấy. Tôi biết nói gì bây giờ? Chẳng lẽ lại lảm nhảm nói một điều quá hiển nhiên rằng thơ bà cũng quan trọng như thơ bà Huyện Thanh Quan? Đằm thắm nào nùng như linh hồn Đoàn Thị Điểm? Bà hiện giờ ở đâu? Nếu quần quanh có mặt ở Sài Gòn? Thì chắc tôi xin rúc ra khỏi gian nhà, đi tìm thăm viếng bà.

Bài “Xuân Tương”, bà có ghi: “*Dám mong các bạn thơ trả lời bằng những câu hỏi thơ này*”.

Tôi cũng không thể trả lời bằng thơ. Trả lời bằng văn xuôi cũng không thể. Chỉ có thể viết câu hỏi của bà đã nêu ra:

*Hoa đào múa cánh cuối đông rồi
Một vẩy tay tiên đủ tám bài
Ngày muộn trường văn tàn nét bút
Người làm thơ muộn đấy là ai?*

Là ai? tôi không biết. Nhưng người làm thơ muộn có thể biết. Vậy để nhờ người ấy đáp.

*Cách mấy mươi năm giấy mực già
Bất ngờ trùng hiện gió xưa hoa
Người làm thơ muộn nêu câu hỏi
Kẻ muộn làm thơ họa há là...*

Tạm đáp dở dang như thế. Bây giờ tạm gọi là bình tĩnh yên ổn. Xin chậm rãi chép lại vài bài thơ của bà ra đây.

1. Ngày xưa

*Ngày xưa có một người thơ
Vào rừng thông lạnh đợi chờ gió reo
Chim hôm loáng thoáng qua đèo
Cảnh chiều buồn tiếng chuông chùa ngân nga...*

2. Thế ra

*Thế ra thu đã đến rồi
Thảo nào mưa gió toer bời mấy hôm
Xa xôi ai đấy có buồn?
Thôn Dương ngành liễu võ vàng tương tư*

3. Đêm mưa

*Gió mưa ướt áo đủ rồi
Sạo còn ngấm lạnh lòng tôi thế này
Ôm đau đã mấy tuần nay
Nét cười đã với thảng ngày trôi xa
Giờ không gạn chút vui thừa
Tựa song quanh vắng nhìn mưa rơi buồn
Nhờ ai chấp hộ mảnh hồn
Đã vì đau giận rũ tan khắp trời
Mưa rơi từng giọt mưa rơi
Lòng ai có lạnh như tôi thế này*

Kính thưa Ngân Giang nữ sỹ!

Văn bối nhận thấy rằng thơ và văn xuôi của tiền bối đều đạt tới mức lô hỏa thuần thanh. Tiền bối hồn nhiên đạt tới như thế là vì tâm hồn tiền bối mệnh mông? Hay là tiền bối có chịu khó luyện tập nhiều năm nên mới đạt được thập thành công lực?

Nay mai nếu tôi làm được bài thơ nào, tôi xin đề tặng tiền bối. Và nếu tiền bối cần thỉnh giáo điều gì, tại hạ cũng sẽ sẵn sàng chỉ vẽ cho. Chả hạn? – Chả hạn: tại hạ vốn là thằng thý sỹ đi khắp cõi uyên nguyên, siêu thực, gặp từ con chuồn chuồn nguyên thủy bão giông, tới con hùm thiêng thủy nguyên giông bão, vì lẽ gì tại hạ lại còn chiều chuộng những bài thơ chả có chi bão tố phong ba? – Đáp rằng: tại hạ đã chán ngấy hết mọi thứ phong ba bão tố rồi. Tại hạ thấy nó cũng ù lý le lói ra một thứ nhà ma đó thôi. Ích gì mà triền miên lâu ngày ở trong đó. Nên bế mạc sớm cho xong. Tại hạ tìm tới viếng thăm tiền bối, xin uống một tách nước trà đậm nhiên là đủ. Chỉ cầu mong một điều: trà kia không có pha thêm những bột phấn phồn hoa, và bàn tay pha trà không phải là bàn tay của một kẻ tốt nghiệp chuyên môn nơi một trường cao đẳng Trà Đạo, Trà Lý gì gì hết cả.

Vân Đài

Độc ông Nguyễn Du mãi cũng chán. Rồi từ Đường Thi, nhảy vọt qua Tây Phương, chạy tìm

những Tượng Trưng, Siêu Thực, Siêu Thế, Siêu Hình, hơn hai mươi năm, kể cũng đã tới lúc ớn khắp linh hồn. Thơ Nguyễn Công Trứ là một con zéro. Thơ Cao Bá Quát là một con zéro rưỡi. Thơ theo thể Đường Luật của các ông Nho học uyên bác, toàn là rờ rẫm cóp nhặt Tàu, những bộ xương khô quái gở. Hàng vạn bài na ná giọng điệu giống nhau.

Chỉ còn mấy bài của Ngân Giang nữ sỹ và Vân Đài nữ sỹ là có linh hồn. Hai bậc tiền bối này quả có chân thành. Có sống trọn linh hồn. Bài thơ hai bà làm đúng là bài thơ sông núi. Dù có sáo chăng nữa, thì đấy cũng là cái sáo của sông núi phát tiết ra.

*Yêu thương dậy lại đầy trời
Lòng ơi! Đường cũ núi đồi còn đây*

Đọc câu thơ như thế, quả thật tại hạ muốn làm đứa bé xách giếp cho bà, đi sau chân bà, ủng hộ bà trong cuộc ngao du sơn thủy.

Kể chuyện Nerval! Heidegger cho bà nghe.

Bà cũng biết uống rượu

*Giấc cạn duyên thơ quá chén rồi
Men nồng thấm đỏ khắp hồn tôi
Vui không có bạn sầu không có
Nằm giữa lòng trắng khóc giữa trời
Đầu ngã cảnh xanh vai vũ trụ
Tay ôm hương sắc những mùa tươi
Quên nghe thời khắc quên năm tháng
Say uống hương hoa giữa suốt đời*

Cái thứ rượu bà uống say kia té ra không phải la de hoặc rượu đế. Tại hạ mừng huyệt. Phải chi tiền bối uống rượu thật sự, thì mỗi phen nhậu nhẹt, ắt tiền bối gọi tại hạ tới cho nhắm chút ít.

Dù sao hai câu thơ đồ sộ bát ngát của tiền bối cũng an ủi văn bối phần nào:

*Vui không có bạn sầu không có
Nằm giữa lòng trắng khóc giữa trời*

Quả thật bốn ngàn năm văn hiến Việt Nam, chỉ có thể cho nảy hột tinh hoa ra hai câu thơ như thế. Phải chi ông Nguyễn Du, ông Nguyễn Trãi còn sống thì văn bối đem hai câu thơ ấy đọc cho hai ông nghe.

Lục bát của bà trong bài “Biệt ly” cũng thật dịu dàng. Ta phải coi Vân Đài nữ sỹ như bà ngoại bà nội chúng ta, thì mới cảm hết cái chỗ mệnh mông trong mấy vần này:

*Lòng ta tràn ngập nỗi buồn
Như người đứng ngã ba đường nhớ ai
Trái tim hồi hộp thở dài
Hòa theo với tiếng bốn trời tiễn đưa
Sáng nay mây trắng bơ phờ
Gió ngừng mặc rặng lau thưa bên nguồn
Thuyền đi sông nước ngại ngừng
Bến xanh xanh vẫn ngóng trông tháng ngày
Giang lãng cách trở đâu đây
Nghe đêm vượn hót nghe ngày chim kêu.*

(“Tặng cảnh Cát Bà”)

Xuân Diệu

Nếu đọc Vân Đài và Ngân Giang, phải nghĩ rằng đó là lời thơ của bà ngoại bà nội chúng ta, mới cảm thấy hay thẩm thía – thì đọc Xuân Diệu, ắt nên nghĩ rằng đó là thơ của một thằng em. Sự tình tứ đó sẽ đổi hẳn tính cách.

Sau ba mươi năm dài, trải bao trận phiêu du ngoài đời, cũng như lưu ly trong thi ca tư tưởng, ngày nay cầm lại cuốn *Thơ Thơ*, tại hạ cảm thấy một cái gì không thể tả. Đọc lại thơ Nguyễn Bính, thơ Lưu Trọng Lư, có thể không bồi hồi chi mấy. Nhưng đọc *Thơ Thơ*, lại khác hẳn. Đường như toàn thể tuổi xuân bỗng sống dậy kêu gào.

Xóa đi những lời lếu láo lải nhải, còn lại những lời chân thật riêng biệt chân thành của tuổi trẻ:

*Không có cánh nhưng vẫn thềm bay bổng
Đi sâu trong sân mà nhớ chuyện trên trời
Trút thời gian tong một phút chơi vơi
Ngắm phong cảnh giữa hai bề lá cỏ*

Thơ hồn nhiên rộng rãi như thế đúng là thơ của thiên tài tuổi trẻ.

*Đi trong sân mà nhớ chuyện trên trời
Ngắm phong cảnh giữa hai bề lá cỏ*

Chúng ta đã ngột ngạt vì thơ đoạn trường của Nguyễn Du, thơ đìu hiu của bà huyện Thanh Quan, thơ ồ ạt lếu láo của Nguyễn Công Trứ, thơ trắng trợn của Trần Tế Xương... thơ già trước tuổi của những thi tài nảy ra trong vòng mười năm nay...

Thì bây giờ cũng đã tới lúc xua ủa đi hết mọi thứ thơ náo nùng kia, và đọc lại Xuân Diệu:

*Vì sao giáp mặt buổi đầu tiên
Tôi đã đầy thân giữa xứ phiên
Không thể vô tình qua trước cửa
Biết rằng gặp gỡ đã vô duyên*

Kể từ sau 1945, các loại thơ này vốn không mấy may rung động chúng ta được nữa. Chúng ta đứng trước những phong ba, linh hồn chúng ta mang những ưu tư khắc khoải khác. Thơ trữ tình, thơ yêu đương vớ vẩn nhớ nhung kia, chúng ta bỏ trôi mất hút, không một chút bận tâm.

Nhưng rồi phong ba cứ dồn dập, càng ngày càng mang tính cách nhố nhếch thêm ra, tũn mủn đầu độc thêm ra, thì ưu tư khắc khoải trở thành chuyện tầm phào, siêu thi, siêu tưởng, siêu triết... trở thành chuyện dĩ dĩ dĩ. Văn chương văn nghệ trở thành chuyện bán cá ngoài chợ. Nợ tang bồng vay trả trả vay, trở thành chuyện phỉnh phờ con nít. Lưu thủ đan tâm, trở thành chuyện tán gái đâm toang. Chiếu hãn thanh, trở thành chiếu chăn mài cọ lâu xanh meo mốc.

Ngót hai mươi năm rồi, ngụp trong đó, chúng ta lừa lọc nhau và tự lừa dối mình. Bây giờ đã thấm mệt với cái trò nhảy nhót nhấp nháy kia. Thôi xin từ giã mọi thứ đó. Xin chạy theo sau thằng thanh niên ngây ngô ngây trước chơi một trận.

Hồ Dzếnh

Bài “Rằm Tháng Giêng” của Hồ Dzếnh quả thật là một bài thơ hay:

*Chị tôi vào lễ trong chùa
Hai chàng trai trẻ khẩn đũa hai bên
Lòng thành lễ vật dâng lên
Cầu cho tiểu được ngoài giếng đất chồng
Chị tôi phụng phịu má hồng
Vùng vằng suốt nửa quên bông cả tôi
Tam quang ngoài mắt chị ngồi
Chị nghe đoán quẻ chị cười luôn luôn
Quý thần thóc mách mà khôn
Số này chồng đất để con cũng nhiều*

(“Rằm tháng Giêng”)

Người Việt Nam có thể không đọc Nguyễn Du, nhưng không thể nào không đọc bài thơ kia của Hồ Dzếnh.

Bài “Lời Về” của ông riêng bốn câu cuối cũng đủ là một tuyệt tác cổ kim:

*Vó ngựa từ ngày võ xuống Nam
Trông mòn đũa lối Hải Vân San
Áo nâu phai nhạt màu cây cỏ
Lá rụng hoa rơi đất nước Chàm*

Một bài tứ tuyệt như thế đúng là một tặng vật của Đường Thi. Nhưng Đường Thi ghé xuống Việt Nam, Đường Thi đã nhảy một bước vô biên. Không còn Lý Bạch, Thôi Hiệu, Tô Đông Pha nào chạy kịp được nữa.

Vì trong đó có ba sử lịch đang gùn ghè nhau. Sử lịch Trung Hoa, sử lịch Việt Nam, sử lịch Chiêm Thành:

Lá rụng hoa rơi đất nước Chàm

Một câu thơ đơn giản như thế mang toàn khối Như Lai trong mấy trăm bộ kinh Phật. Và thừa dư công lực hư vô để thiết lập căn cơ cho Siêu Hình Học Tây Phương. Ông Heidegger khỏi phải bận tâm hý hục lồi cả Hoelderlin, Sophocle, Parménide, vào trong cuộc thiết lập cơ sở mới làm gì.

Cái cuộc Lữ di thường của Khổng Tử bỗng nhiên tiếp giáp với Thái Hư Tịch Mịch trong bốn câu thơ kia của Hồ Dzếnh. Đó là điều mà trong tập *Điều Tàn* của Chế Lan Viên, ta mãi mãi tìm không thấy.

Đinh Hùng

Nguồn thơ của Đinh Hùng trong *Mê Hồn Ca* là nguồn thơ lạ nhất trong thi ca Việt Nam.

Tới *Đường Vào Tình Sử*, thì nguồn thơ kia bỗng như tắt ngấm. Đinh Hùng trở thành kẻ rờ rờ rầm rầm. Tuy nhiên, trong *Đường Vào Tình Sử* cũng còn mấy bài bát ngát ở lại buồn bã vô song.

Trần Thy Nhã Ca

*Chợt tiếng buồn xưa động bóng cây
Người đi chưa lại dấu chân này
Bàn tay nằm đó không ngày tháng
Tình ái xin về với cỏ may*

*Rồi lá mùa xanh cũng đỏ dần
Còn đây niềm hối tiếc thanh xuân
Giấc mơ choàng dậy tan hình bóng
Và nổi tàn phai gỗ một lần*

*Kỷ niệm sâu như tiếng thở dài
Khuya chìm trong tiếng khóc tương lai
Tầm xa hạnh phúc bằng đêm tối
Tôi mất thời gian lỡ nụ cười*

*Đời sống ôi buồn như cỏ khô
Này anh em cũng tựa sương mù
Khi về tay nhỏ che trời rét
Nghe giá băng mòn hết tuổi thơ*

Bài “Thanh Xuân” của Trần Thy Nhã Ca nghe như lời chiếu cố của một vị Quan Âm Bồ Tát.

Tưởng chừng như nếu các vị Tổng Thống phu nhân ở thế giới tình cờ đọc được, ắt các phu nhân vui lòng cạo đầu sạch sẽ để đi tu.

Tôi tiếc mình không có tài bàn giải như Kim Thánh Thán Mái Tây, nên tìm không đủ lời tuyệt đối viết ra. Ngày mai ắt tôi sẽ chết không nhắm mắt được.

Thử nêu câu hỏi: Nếu như những ông Khổng Tử đọc bài thơ đó, ắt sẽ gây ra sự gì? Tất nhiên là các ông sẽ chẳng bận tâm hý hục soạn *Kinh Thi*, *Kinh Dịch* làm gì nữa.

Martin Heidegger

Ông ở lại trên mảnh đất đai Siêu Hình Học Âu Châu, ông cày bừa trên mảnh đất ấy. Suốt hơn một phần ba thế kỷ, ông cặm cùi vạch gai góc và gieo vài hạt giống trên mảnh đất ngổn ngang.

Những hạt giống đầu tiên gieo vào mảnh đất đầy chướng ngại, phải là những hạt giống thích hợp.

Thích hợp với cái gì? Với mảnh đất đai kia với những hàng rào vây bọc mảnh đất đai kia, với

bầu khí hậu phong tỏa mảnh đất đai kia. Những gai góc đủ loại đã mọc đầy, bầu khí hậu bị vẩn đục, con người Siêu Hình Học Âu Châu không còn có thể nhìn ra tinh thể những “hàng cây sơ thủy” vốn đã mọc trên đó. (Trong tập thơ *Lá Hoa Cỏn* ngày trước, tôi có ý muốn nói tới sự tình đó, trong những bài “Hàng Cây Sơ Thủy”, “Vào Nguyên Thủy Giục”, “Logos”, vân vân).

Những “hàng cây” nọ cần phải được nhìn ngó trở lại, muốn nhìn ngó trở lại, trước tiên phải tẩy gột những gì làm vướng nhãn quan.

Nhìn ngó trở lại để làm gì? Để dừng sa vào tình trạng vong bản. Quên mất cội nguồn bát ngát ban sơ, đó là lý do đã khiến những triết gia cận đại Âu Châu không cách gì mở đối thoại với Đông Phương.

Heidegger luôn luôn bảo rằng ông chẳng có ý dựng triết thuyết gì cả. Tư tưởng của ông chỉ là một tư tưởng chuẩn bị - nhứt điều chuẩn bị đích tư tưởng. (Xem *Sương Bình Nguyên* và *Trắng Châu Thổ*).

Chuẩn bị cho cái gì? Đáp: cho một trận đối thoại về sau giữa Tây Phương và Đông Phương.

Do đó Heidegger lập ngôn trong một Nếp Gấp Nhị Bội, mà các triết gia Âu Châu ít chịu lưu ý tới. Cái điều đối với Heidegger chỉ là điều tạm thời, tạm bợ, người ta cho đó là điều cốt yếu. Cái điều cốt yếu thì Heidegger lại nói thoáng qua trong những mệnh đề phụ - là những hạt giống lơ thơ gieo ra trong một vùng sương bóng vô tức vô thanh tiếp giáp với lục bát thi ca Việt Nam bất tuyệt.

Wahlsens theo dõi tư tưởng Heidegger nhiều ngày, vẫn không nhận ra điều cốt yếu nọ. Mọi triết gia bàn tới Heidegger đều bàn lui bàn tới những thứ ở ngoài mép rìa. Nghĩa là: đang đường thì có, mà nhập thất thì không.

Chung quy có lẽ chỉ vì họ mãi mãi ở trong cái tình trạng: thấy sự vụ đương nhiên là thế, mà không rõ đâu là nguyên do sử lịch đã quyết định sự vụ là thế.

Hoặc nói theo ngôn ngữ người Trung Hoa:

“Tha môn hiển nhiên thị chỉ tri kỳ đương nhiên, nhi bất tri kỳ sở dĩ nhiên”.

Khổ thay. Nấy bây giờ chúng ta lò dò chạy hỏi ông Heidegger xem sự tình gay cấn đó có phải có nguyên nhân éo le như thế chẳng, thì Heidegger ắt lửng lơ niêm hoa vi tiếu theo lối Khổng Tử ồm ờ: - Tại hạ quả thật cũng chả rõ đâu vào đâu cho lắm... Kính thưa các hạ ạ! Kỳ trung nguyên nhân, lão hủ nhứt thời giả thuyết bất thanh sở. Phản chính cứ lão hủ sở kiến, tam thành tựu thị giá dạng đích lạc...”.

Đó là phong thái của những nhà đại tư tưởng cổ kim. Họ đáp theo lối lửng lơ. Trong khi học giả xô bồ, bao giờ cũng tấp nập nối đuôi nhau tấn công ông già kia một cách ráo riết.

Cái thái độ ráo riết kia đã bao phen khiến cho mọi cuộc đối thoại chân chính đành phải chịu phần chấm dứt ngay khi mới vừa khởi đầu.

Nếu bây giờ chúng ta thử bỏ ra khoảng chín mươi chín năm đọc lại Heidegger, ắt là chúng ta sẽ dần dà nhận thấy rằng: cái hạt giống mong manh mà Heidegger đã gieo vào mảnh đất Siêu Hình Học Âu Châu, cái hạt giống bé bỏng đó quả thật đã mạnh nha mọi thứ cây cối đồ sộ, mà về sau thiên hạ sẽ thi đua nhau về leo trèo hái ngắt mọi thứ hoa quả và có thể tưởng lầm rằng hoa quả ấy là của riêng mình trồng trọt ra, chứ chẳng phải của ông Heidegger hoặc Martin gì ráo!

Định mệnh của những tư tưởng hoằng viễn xưa nay, vẫn mãi mãi là như thế. Những kẻ gieo

giống chẳng bao giờ thấy cây mọc, chẳng bao giờ thấy đâm hoa kết quả, chẳng bao giờ thu hoạch mùa màng. Họ chỉ phụng bồi cho cuộc gieo hạt, và hơn nữa, phụng bồi cho cuộc soạn sửa gieo hạt mà thôi.

Il ne servent qu'aux semailles, et même, plutôt à là préparation de celles-ci. Sie diene der Aussaat und eher noch der Vorbereitung dieser.

(Xem *Trăng Châu Thổ*, trg 467-468).

Heidegger là kẻ nhìn thấy rất rõ duyên do cuộc tẩu hỏa nhập ma của những Nietzsche, Hoelderlin, và - nhẹ hơn - của Rilke. Ông muốn tránh cho những nhà tư tưởng, những kẻ sáng tạo mai sau khỏi lâm vào tình trạng tẩu hỏa nhập ma – đó cũng là một trong những duyên do đã khiến ông lập ngôn một cách dị thường ẩn mật.

Nếu bây giờ chúng ta suy gẫm về *Đoạn Trường Tân Thanh* của Nguyễn Du, nếu ta nghĩ rằng viết *Đoạn Trường Tân Thanh*, Nguyễn Du tuyệt nhiên chẳng có ý ký thác tâm sự riêng tây của “di thần triều Lê” gì gì cả, thì sự vụ ắt còn rơi vãi tia sáng vào cuộc lập ngôn của Heidegger. Nếu như Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* với cứu cánh trực tiếp mở đối thoại với Gia Long? Gián tiếp mở đối thoại với Trung Hoa? Và rộng rãi hơn: mở đối thoại với sử lịch Đông Phương? Hoặc: mở đối thoại với tứ hải? – Thì từ đó, những nếp gấp khôn hàn nào trong *Truyện Kiều* sẽ chậm rãi mở ra? Và từ đó chúng ta sẽ “làm thơ” theo thể thái nào để đáp ứng?

Bây giờ để thử tránh lối tư tưởng một chiều. Chúng ta hãy nêu vài câu hỏi liên can tới tới Nietzsche.

Sự tình “đương nhiên” là Nietzsche có xô bồ công kích Jésus Christ. Nhưng đâu là cái lẽ “sở dĩ nhiên” của cuộc đó? Sau cuộc đó, Nietzsche bị tẩu hỏa nhập ma. Ông thật “bị” tẩu hỏa nhập ma, hay là ông cố tình lao đầu vào chịu trận tẩu hỏa nhập ma? Nếu ông có cố ý, thì đâu là duyên do sự cố ý ấy? Nếu đem sự tình kia ra hỏi Nguyễn Du, thì Nguyễn Du sẽ đáp bằng câu thơ nào trong *Truyện Kiều*? Khổng Tử sẽ phụ họa vào câu thơ đó bằng cái lời nào của Ngài? Thằng thi sỹ Việt Nam ngày nay có nên nêu mọi sự đó ra bàn luận trực tiếp? Nietzsche có bằng lòng thuận để cho nó nêu ra hay là Nietzsche sẽ bảo rằng: “vấn đề đối với các hạ bây giờ là nên sớm đánh mất tại hạ đi!” Đánh mất bằng cách nào? Sao gọi là đánh mất? Lặng lẽ giũ áo ra đi, hay là lao mình tới công kích? Hay là vừa công kích, vừa bỏ đi, vừa thân tặng ông vài vản thơ lầy lắt? Hay là chịu chơi gay cấn bảo rằng: - Nhân danh là thi sỹ Việt Nam, tôi xin nguyện làm nô lệ ông suốt đời?

Nguyễn Du

*Từ rằng: ân oán hai bên
Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình
Nàng rằng: nhờ cậy uy linh
Hãy xin báo đáp ân tình cho phu
Báo ân rồi sẽ trả thù
Từ rằng: việc ấy để cho mặc nàng*

Hai lần Từ Hải dùng tiếng “mặc nàng”. Để cho mặc nàng. Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình.

Rồi Từ Hải im lặng suốt buổi. Trong cơn im lặng, Từ Hải đã nhìn thấy Kiều chẳng mình mẫn gì hết. Nhưng không hề gì. Điều trầm trọng là cái tiếng “mặc nàng” Nguyễn Du đã để cho Từ Hải

thốt lúc bấy giờ.

Hai tiếng “mặc nàng” đó ngày sau sẽ quyết định cuộc đầu hàng của Từ Hải. Việc bây giờ để cho mặc nàng, thì mọi việc về sau cũng sẽ để cho mặc nàng quyết định.

*Nghe lời nàng nói mặn mà
Thế công Từ mới đổi ra thế hàng
Chỉnh nghi tiếp sứ vôi vàng
Hẹn kỳ thúc giáp quyết đường giải binh*

Chỉnh nghi tiếp sứ vôi vàng. Nguyễn Du dùng tiếng “vôi vàng” một cách thật kỳ bí. Càn khôn vũ trụ gì cùng theo nhau điên tam đảo tứ hết cả, trong hai tiếng vôi vàng kia. Cái “triều đình riêng một góc trời” của Từ Hải đang lăn lóc quay lông lóc trong hai tiếng vôi vàng.

Từ Hải “chịu chơi” đến cái mức bất khả tư nghị. Tuyệt đỉnh của thiên tài Từ Hải là ở chỗ đó. Trong một nháy, đem xô ừa hết cả cứu cánh đời mình để đáp lại những lời “nhạt như nước ốc” của Kiều. Nhạt như nước ốc, mà chàng thấy mặn mà khôn tả, ấy bởi vì cõi lòng của kẻ anh hùng vốn là: đã chịu chơi, thì bất kể lam hồng tạo bạch. Từ Hải và Tú Bà là hai thái cực. Nhưng đảo cùng, hai thái cực khác nhau ở hai điểm:

*Chơi cho liễu chán hoa chê
Cho lăn lóc đá cho mê mẩn đời*

Từ Hải đã vì Thúy Kiều mà ngênh ngang dựng một cõi biên thù, theo chàng nói:

*Bao giờ mười vạn tinh binh
Tiếng loa giậy đất uy linh rợp đường
Làm cho rõ mặt phi thường
Bấy giờ ta sẽ rước nường nghi gia*

Nhưng bây giờ Kiều đã bảo “Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào” thì lập thời Từ Hải vôi vàng xóa bỏ hết cái cuộc kia.

Tin lời thành hạ yêu mình

Cái niềm tin thật sự của chàng đã mất, thì bây giờ chàng trở thành đứa bé thơ ngây, tin mọi thứ tầm phào vậy.

*Tin lời thanh hạ yêu mình
Ngọn cờ ngợ ngác trống canh trể tràng...
Từ công hồ hắng biết đâu
Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên*

Những tiếng “hồ hắng, trể tràng, ngợ ngác”, Nguyễn Du dùng một cách nào nuốt quở khốc thần sầu.

Tôi viết vôi vãi. Tôi không có một ngàn năm ở trước mặt. Nhưng kẻ nào có được trước mặt một ngàn năm, thì hãy thử thả đọc lại Nguyễn Du và sẽ khám phá ra nhiều thứ thiên thu vạn đại khác.

Heidegger bảo rằng: “nhà tư tưởng càng hoằng viễn, thì phần vô ngôn trong sách họ càng khôn lường”. Lúc nói câu đó, Heidegger ắt là có nghĩ tới Nguyễn Du vậy.

Phần vô ngôn khôn lường? Khôn lường đối với mọi người và khôn lường tự mình đối với mình. Người tư tưởng (cũng như thi nhân) không bao giờ lường được hết tư tưởng mình. Đọc tư tưởng, đọc thi ca, từ đó chúng ta chỉ có thể nêu những câu hỏi đại khái kỳ dị như sau:

1. Vì sao con đường đi trong đó không bằng phẳng?
2. Đó có phải là một lối cưỡng bức không?
3. Nguyễn Du đã cưỡng bức đủ điều. Heidegger đi tới đâu cũng cưỡng bức tràn lan tới đó. Cưỡng bức Nietzsche, Rilke. Rồi quay lại tự mình cưỡng bức chính mình.
4. Cổ kim có nhà tư tưởng nào tự mình cưỡng bức mình nhiều như Nietzsche, như Heidegger, như Sade? Sự đó có liên can mật thiết gì tới Khổng Tử, Jésus Christ hay không?...

Hoài Khanh

*Qua sông là một nhịp cầu
Qua tôi là một kiếp sầu vô chung
("Tự Tình" – Dâng Rừng)*

Thế ra tôi đứng ra để đón lấy kiếp sầu vô chung? Tôi là Tại Thế? Da-sein? Tôi đón lấy sầu kia và thể nghiệm mối tương quan giữa Dasein và Sein? Giữa Tại Thế và Tồn Thế?

*Qua sông là...
Qua tôi là...*

Thy sĩ hai lần dùng tiếng là. Hai lần dùng tiếng qua.

Nhịp cầu là cái gì qua sông. Sầu vô chung là cái gì qua tôi. Ông Heidegger trong cuốn *Siêu Hình Học Là Gì*, đã từng đem cái sầu, khắc khoải, làm tinh thể của Dasein, trong mỗi sầu đã "nhảy vọt" một cái, bằng qua mọi thể hiện của dung nhật thường lệ, và tiếp giáp với mạch tồn thể nguyên nguyên.

(Đó cũng là mối sầu bàng bạc khắp *Truyện Kiều*)...

Nhịp cầu là cái gì giúp qua sông, thì sầu vô chung cũng là cái gì giúp tháo gỡ bí ngạn.

Dịch

Từ trong tinh thể của nó, dịch là tái tạo. Sự ấy dường như quá hiển nhiên. Ông Nguyễn Du, ông Nguyễn Khắc Hiếu đều tái tạo triệt để trong các bản dịch chuyện Tào của các ông.

Nhưng nói gì xa xôi. Thử nói gần gũi hơn. Nếu bây giờ ta đem *Truyện Kiều* dịch trở lại bằng văn xuôi Việt Ngữ, hoặc bằng thơ thất ngôn, ngũ ngôn, thì ấy cũng là tái tạo.

Một ca nhi đem một bài ca, ca lên, cũng là tái tạo bài ca.

Xét cho cùng, mọi hành động và vô vi, cũng là tái tạo. Tái tạo bằng hơi thở riêng biệt một lần.

Tôi có cảm tưởng rằng lúc thật sự "sáng tạo", tôi lại cũng đang dịch. Tôi viết văn thơ "độc đáo" nào, cũng là đang dịch. Tôi dịch lại ông Nguyễn Du, ông Hồ Dzếnh. Cũng như ông Nguyễn Du

Ông Hồ Dzếnh đã từng dịch người trước, và người trước đã từng dịch người xưa, hoặc dịch một cái gì đó ở trong vạn vật đang muốn hiển hiện liên tồn trong âm thanh ngôn ngữ.

Và những người cho rằng kẻ dịch không có tinh thần sáng tạo, những người ấy cũng đang dịch.

Vậy bây giờ chúng ta hay thi đua nhau dịch, và thi đua nhau bỏ dở dang cuộc dịch, và đừng thi đua gì hết cả, để cho cuộc dịch tự nó thành tựu thể thân nó. – “Trời có nói gì đâu... bốn mùa vẫn chuyển nhịp tuần hoàn... Trời có nói gì đâu...” (Khổng Tử)

Kể từ Nguyễn Du và Shakespeare

Hai ông này giống nhau nhiều nhất ở điểm: nêu sự tình bi đát cùng độ, để thỉnh thoảng cho len lỏi vào những lời thơ phiêu bồng thơ ngây khôn tả. Nghĩa là nói cách khác: nêu ra sự chấn động của toàn khối hiện thể để khiến người ta khơi lại mạch nguồn tồn thể (Đó cũng là dụng ý của Nietzsche).

Ông Khổng Tử ngày xưa thì lại cố tình che dấu hết mọi cuộc chấn động hỗn độn. Chẳng phải là ông không biết. Ông biết cùng cực nhưng ông không nói – tri hiểu nhi bất ngôn chi.

Ông Camus Nietzsche cốt cách giống như Khổng Tử, muốn sống và lập ngôn như Khổng Tử, nhưng không thể nào được. Lịch sử đi tới một buổi hoàng hôn riêng biệt.

Trong nền thi ca Việt hiện đại, Nguyễn Thị Hoàng và Trần Thy Nhã Ca là hai hình ảnh biểu hiện nổi thống khổ cùng cực của lịch sử nhân loại. Những Thánh Nữ Simone Weil không còn lối bước đành làm miếng mồi mềm mại cho những trận Tẩu Hỏa Nhập Ma. Hình như ngành Y Khoa hiện đại đủ sức trị liệu chứng bệnh đó.

Dịch

Từ trong tinh thể nó, Dịch là làm điều cưỡng bức. Dịch văn xuôi là điều cưỡng bức. Dịch thơ lại càng là cưỡng bức triệt để hơn nữa.

Đừng nói chi tới sự vụ dịch thơ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Chỉ thử hỏi: Có thể nào đem thơ Việt, dịch ra trở lại làm thơ Việt được không? Có thể nào đem thơ lục bát dịch ra làm thơ thất ngôn, hoặc ngũ ngôn, hoặc song thất lục bát, hay là thơ tám chữ?

Nói triệt để hơn nữa: Có thể nào đem thơ lục bát dịch trở lại làm thơ lục bát? Chính ông Nguyễn Du, ông có thể nào tự mình đem thơ lục bát của mình dịch trở lại làm thơ lục bát?

Không. Lời thơ kia chỉ hiện ra một lần trong phong thái riêng biệt của anh hoa phát tiết một lần. Buộc nó phải hiện ra trở lại trong phong thái khác, thì anh hoa tài tử có thể cho phát tiết một lần nữa, nhưng lần sau không còn là lần trước.

Màu xanh của biển chiều thu năm nay không phải màu xanh của biển chiều thu năm ngoái. Màu xanh biển phút trước, không phải màu xanh biển phút sau. Luôn luôn trong vạn vật cũng như trong sinh hoạt tâm linh, có một trận tái tạo không ngừng. Phải chấp nhận sự đó như là điều hiển nhiên, thì mọi cuộc dịch dy mới có thể còn chút gì chính đáng trong cơn liên tồn cưỡng bức.

Trái lại, nếu quan niệm hẹp hòi, nếu cho rằng dịch phải thật “sát”, không được cưỡng bức dịch dy, thì mặc nhiên người ta đã cưỡng bức một cách không chính đáng. Vì cuộc cưỡng bức nọ không đưa tới tái tạo tinh hoa, mà dẫn tới nô lệ ngục tù, nghĩa là sát phạt tinh hoa.

Thử đưa một thí dụ. *Truyện Kiều* mở ra với bốn câu:

*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*

Nếu người dịch là kẻ tài hoa, ắt nhận thấy rằng điều cốt thiết trong mấy câu thơ kia, chẳng phải là cái ý tưởng nó hàm ngụ - ý tưởng “tài mệnh tương xung”, “cõi người ta trăm năm ngắn ngủi”, “cuộc bể dâu thương hải tang điền” ... là những ý tưởng sáo. Trái lại, cái chỗ bất tử, cái chỗ huyền diệu của câu thơ kia lại là ở những điệp thanh, điệp âm, đối ngữ...

*Trăm năm - một cuộc - những điều...
Trong cõi - trải qua - trông thấy...
Chữ tài - chữ mệnh...
Khéo là ghét nhau - mà đau đớn lòng...*

Một cuộc tương tranh, một cuộc xô xát, trong một cõi trăm năm, được âm ý nêu ra âm thầm triền miên trong những đối ngữ, điệp âm nọ. Đó là cái chỗ thần diệu phát tiết của thơ. Vậy lời dịch làm sao tái lập được cái chất linh diệu đó?

Ông René Crayssac, ông Trương Cam Vũ, vô tình hoặc hữu ý đã tái tạo được trong hai bản Pháp Ngữ và Hoa Ngữ cái chất thơ âm thầm triền miên trong cốt cách lục bát Việt Nam. Mỗi ông theo mỗi lối, thuận theo tinh hoa ngôn ngữ mình, đã thể hiện trở lại trong bản dịch được chín phần mười tinh hoa ngôn ngữ.

Hãy xét bốn câu của Trương Cam Vũ trước:

*Nghịch lữ nhân sinh bách tuế trung
Mệnh tài lưỡng tự xảo tương xung
Nhất kinh thương hải tang điền biến
Mục kích tâm thương kỷ vãng tung*

Có thể nghĩ rằng đó là do ngẫu nhiên mà Việt Ngữ và Hoa Ngữ đã hôn phối chặt chẽ. Cũng có thể nghĩ rằng ấy là do cuộc tương giao hằng bao thế kỷ mà nảy ra kết quả đẹp đẽ kia. Dù sao thì dù, lời thơ dịch đã không bỏ lạc cái cốt yếu trong thơ Nguyễn Du. Xin ghi ra những ngôn ngữ gòn ghè tịch hạp:

Bách tuế - lưỡng tự - nhất kinh (trăm năm – hai chữ - một trải qua.)

Đó là những đối ngữ. Và đây là những điệp thanh:

Tuế - tài - tự - tương – tang – tâm – tung nhất kinh - mục kích – thương hải – tâm thương...

Bốn câu dịch bốn câu, Trương Cam Vũ có thể tái lập được chừng đó điểm đặc biệt, lại còn dịch được tiếng “*khéo là ghét nhau*” ra làm “*xảo tương xung*” - Thế là người dịch đã thể hội huy hoàng cứu cánh của công việc vậy. Ông vừa thông dong đi sát ý, lại còn thể hiện được viên mãn cái hồn thơ.

Bây giờ xét tới lời dịch của René Crayssac. Crayssac sử dụng Pháp ngữ, Crayssac không thừa thụ những thuận lợi như Trương Cam Vũ – những thuận lợi do những tương giao lâu ngày giữa

Hoa Ngữ và Việt Ngữ đem lại – Crayssac đã phải cưỡng bức như thế nào, theo đường lối nào, trong lời dịch?

Những đối ngữ đi mật thiết sát gót nhau trong bốn câu nguyên tác, Crayssac không cách gì thể hiện lại được, thì ông thể hiện theo lối khác bằng cách dịch đôi ra và đưa vào những điệp thanh phong phú.

Bốn câu của Nguyễn Du, ông phải dịch ra làm mười hai câu cả thấy mới tạm gọi là lột được phần nào tinh hoa nguyên tác:

*Cent ans – le maximum d’une humaine existence!
S’écoulent rarement sans qu’avec persistance
Et comme si le Sort jalousait leur bonheur,
Sur les gens de talent s’abatte le malheur
Subissant l’âpre loi de la métamorphose,
On voit naître et mourir si vite tant de choses!
Bien peu de temps suffit pour que fatalement
Surviennent ici-bas d’étranges changements,
Pour que des vert muriers la mer prenne la place
Tandis que, devant eux, ailleurs, elle s’efface!*

*Or, dans un temps si court, ce que l’observateur
Peut bien voir ne saurait qu’endolorir son coeur.*

Nhận định thấy gì?

Những tiếng “trăm năm, một cuộc, những điều” của Nguyễn Du không còn có thể đi sát nhau để gùn ghè mật thiết, vì chúng bị loãng mất trong mười hai câu dài dậm duộc.

Nhưng Crayssac ngược lại đã biết tận dụng những điệp thanh lai láng để thể hiện chất thơ bàng bạc của Nguyễn Du. Xin chép ra đây những âm thanh âm vận lấy đi lấy lại:

*Cent ans – s’écoulent – sans que – comme si – le sort – sur les – s’abatte – subissant si vite – suffit
– surviennent – s’efface – si court – ne saurait – son coeur –*

Ngoài ra, những đối ngữ thật sự của Nguyễn Du mà Crayssac không thật sự tái lập được, thì ông cũng đã tái lập đối ngữ theo cách khác:

*Sans qu’avec – et comme si – Bonheur – malheur
Naître – mourir
Tant de choses – bien peu de temps
Prenne la place – elle s’efface*

Trên đây chỉ là một trong muôn ngàn thí dụ khác có thể đưa ra khi bàn tới chuyện dịch. Dù sao, điều cốt yếu, chẳng phải là đạt hay không, có lẽ... Điều cốt yếu, là ý thức về cái chỗ gay cần kia, lúc khởi sự đọc văn thơ. Thơ Nerval, thơ Apollinaire, Baudelaire, Whitman, Dickinson, Rilke, Nietzsche, Heidegger, vân vân, đã bao phen khiến người dịch đành phải bó tay, bó chân, xin nhảy lùi từng trận.

Vậy nên kẻ biết dịch là kẻ biết nhảy lùi. Vì dịch là tư tưởng một cách nghiêm mật. Kẻ tư tưởng thâm viễn bao giờ cũng nhảy lùi. Kẻ biết dịch tối cao, là kẻ không bao giờ chịu dịch. Trường hợp buộc phải dịch, thì đành cưỡng bức. Cưỡng bức để đưa tới đề huề. Trường hợp không thể

đưa tới đề huề, thì đành tái điệp nhảy lùi, song trùng bỏ cuộc. Bỏ cuộc thì kể cũng đều hui. Bèn nhảy vô cuộc trở lại. Rốt cuộc? Rốt cuộc, con người tẩu hỏa nhập ma sa vào giữa một vòng lẩn quẩn kỳ quặc. Trong cái vòng lẩn quẩn kỳ quặc ấy, hốt nhiên lời thơ Nguyễn Du lại thị hiện một cách nào nùng:

*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*

Thơ Nguyễn Du thị hiện một cách đoạn trường như thế, thì sự cố nào xảy ra cho thằng tài tử? Ấy là sự cố *Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn*... Mọi bài thơ tôi viết ra, đều là vịnh thơ Nguyễn Du tại chỗ gay cấn âm thầm nhất. Dịch thơ từ đó biến ra làm Vịnh Kiều, trong từng cơn cuồng bức. Thơ Nguyễn Du cũng là tự mình cuồng bức mình. Người ta công kích thơ tôi, chẳng qua chỉ vì người ta tưởng rằng tôi làm thơ đưa ra cái gì độc đáo lắm.

Lại có kẻ cho rằng thơ tôi làm u ẩn, súc tích, hơn thơ Nguyễn Du. Ấy chẳng qua là người ta không chịu đọc thơ Nguyễn Du trong nếp gấp của nguồn thơ ông đấy thôi.

Người Tàu dịch Tây

Có một số ngôn ngữ tôi dùng trong mấy cuốn sách dịch bị độc giả nhận lầm là ngôn ngữ lập dị. Chẳng hạn như: nhị bội, song trùng, tồn lưu, lưu tồn, khiêu dục, phản chàng, tẩu xuất lai, tòng đầu bột khởi, đột nham, sầm lãnh, kiên tình, kiệt tận miên bạc, phục quy, đàn hồi, vô sở thố trí v.v...

Độc giả tìm trong *Tự Điển Hán Việt* Đào Duy Anh, có lẽ tìm không thấy. Nhưng trong các Từ Điển Anh Hoa hoặc Đức Hoa lại có đầy đủ.

Tiện đây xin trích dẫn vài thí dụ rút từ cuốn *Deutsches Chinesisches Standard-Handwörterbuch*.

Zweimal: nhị bội, nhị thứ
Zweifach: nhị bội đích, song trùng đích.
Zweiachsig: song trục đích, lưỡng trục đích
Zweiblumig, Zweiblütig: song hoa đích
Zweideutig: mô lưỡng lưỡng khả đích
Zweidoppelt: trùng phục đích; song sinh đích
Zweieckig: song giác đích
Zweifächerig: song tế bào đích
Zweiflüglig: song xí đích; hữu song xí hình đích.
Zweifruchtig: song quả đích
Zweigeesang: nhị bội hợp xướng (hoặc hợp tấu) chi ca khúc
Zweigestaltig: (đồng chất) nhị hình đích
Zweihenkelig: song bình đích
Zweihöckerig: song phong đích
Zweiseitig: lưỡng diện đích, tương hỗ đích
Zweisilbig: song âm tiết đích
Zweistimmig: song âm đích

Wieder: tái, phục, trùng tân

Wiederaufgang: tái hành khai thủy (thủy), canh thủy, canh tân
Wiederholung: thu hồi, thu hoàn, trùng phúc, phục tập
Wiederanknüpfen: trùng hành kết hợp, trùng hành liên lạc
Wiederaufmachen: tái hành hệ phục
Wiederaufregen: tái hành kích thích, trùng đề
Wiederaufschaffen: trùng hành trừ biên
Wiederauffinden: trùng hoạch, thất nhi phục đắc
Wiederaufforsten: trùng thực sâm lâm
Wiederaufgehen: tái khai, trùng khảo
Wiederaufnehmen: tái hành thụ lý, tái hành biện lý
widerbekehren: tái hành chuyển hoán, trùng hành cải tông
wiederberufen: trùng hành chiêu tập
Wiederbesinnen: tái phản tỉnh, tái hồi tưởng, tái khảo lự
Wiederbringen: quy hoàn, đái hoàn, huề hoàn
Wiedereinbringen: trùng hành bổ nhập
Wiedererinnern: trùng ức, hồi ức, truy tưởng
Wiedererzählen: trùng thuật, phục thuật, chuyển thuật
Wiedereröffnen: tái khai, trùng khai hành mạc
Wiedererreichen: tái hành để đạt, tái cập đáo
Wiedererscheinen: trùng kiến, tái xuất hiện
Wiedererzeugen: trùng tân sinh sản, tái tạo
Wiedergewinnen: trùng đắc, trùng hoạch, hoàn nguyên, hồi phục
Wiedervorbringen: sử tái sinh sản, sử tái xuất hiện
Wiederrhinaufsteigen: trùng hành thượng thăng, tái đăng
Wiederrhinengehen: trùng hành nhập nội
Wiederkommen: quy lai, tái lai
Wiedersagen: trùng thuyết, trùng thuật
Wiedersammeln: tái tập hợp
Wiederrsuchen: tái tầm mịch
Wiedervereinigen: tái liên hợp, tái đoàn kết, tái hòa hảo
Wiederwählen: tái chuyển
Wiederzulassen: trùng hứa gia nhập, tái hứa nhập nội

Heraus: hướng ngoại lai, xuất lai
Herausarbeiten: chế tạo xuất lai
Herausbekommen: miễn lực thủ xuất lai
Herausbringen: huề đái xuất lai
Herausfinden: tầm xuất lai, phát hiện xuất lai
Herausfühlen: cảm giác xuất lai
Herausgreifen: bạt xuất lai
Herausgucken: hướng ngoại khuy vọng xuất lai
Heraushängen: huyền xuất lai, quả xuất lai
Herausheben: cử xuất lai, đề xuất lai
Herauslassen: dung hứa xuất lai, thích phóng xuất lai
Herauslegen: trí ư ngoại biên lai
Herauslocken: dẫn dụ xuất lai
Heraus müssen: tất tu xuất lai
Herausplatzen: bạo liệt xuất lai
Herauspoltern: hoang trương nhi xuất lai
Heraussagen: thân thuyết xuất lai, minh ngôn
Heraussollen: lý ứng xuất lai
Herausstürzen: phao trịch xuất lai
Heraustreiben: khu trục xuất lai
Herauswollen: nguyện ý xuất lai

Hoài Thanh

Ngôn ngữ thơ Việt Nam thành tựu bởi Nguyễn Du. Văn xuôi Việt Nam đạt tới cõi thâm viễn với Hoài Thanh. Hoài Thanh bình Kiều, Hoài Thanh viết *Thi Nhân Việt Nam*, có những lời bất hủ. Thiên tài Hoài Thanh đủ tư cách dựng sừng sững những thiên tài đứng lên chót vót. Và ông mở ra không biết bao nhiêu con đường cho những thi sỹ và phê bình gia đi sau. Dù thỉnh thoảng cũng phải bài bác ông trong phép “cưỡng bức chịu chơi”, nhưng phải nhìn nhận rằng nếu không có Hoài Thanh, thì có lẽ ngày này chúng ta chẳng có thể viết nên một cái gì ra cái gì cả?

Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Trần Đình Đàn... là ba ông thầy cũ của tôi. Ba ông thuộc nòi giáo sư xuất chúng. Rủi thay ngày học với ba ông, tôi đã thuộc Huy Cận, Nguyễn Du, Nerval, nên bài vở nhà trường của các ông chẳng đem lại chút gì đáng kể cho tôi. Nhưng cái phong thái trang nhã thâm viễn của các ông, vô hình trung, lại giúp đỡ tôi rất nhiều. Và vì thế sách vở của các ông, về sau tôi chịu khó đọc chậm rãi.

Bây giờ các bạn thử tưởng tượng. Nếu không có sách Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Trần Trọng Kim... thì ngày này có quả rằng chúng ta giống như những con gà con mất mẹ.

Riêng nói về Hoài Thanh, cái tâm hồn thi nhạc nơi ông còn cao xa hơn hầu hết mọi thi sỹ tôi đã gặp.

Tiện đây tôi xin tặng ông Hoài Thanh một bài thơ.

*Cõi nguồn quá vắng lặng sao
Câu kinh trầm thống phương nào dậy tuôn
Mộng thừa nhị bội bất buông
Lùng vang tử trúc điệu buồn như mai*

Đào Duy Anh

Trong buổi học, Đào Duy Anh trầm giọng buồn buồn bảo học sinh:

"Các anh nên nhớ rằng dù tôi có gắng giảng giải cách gì đi nữa, vẫn không thể nào khiến các anh ngò ra hết những gì huyền diệu trong tác phẩm Nguyễn Du. Ngày sau nếu các anh có thể đi quanh một vòng thi ca thế giới, các anh đón nhận tinh hoa những nguồn thơ lạ thế gian, rồi các anh quay về với Nguyễn Du lúc đầu đã bạc, ngày đó họa chăng các anh mới rõ thiên tài Nguyễn Du cao độ nào."

Hỏi ông về cuốn sách của Nguyễn Bách Khoa (*Nguyễn Du và Truyện Kiều*) ông lơ lửng đáp:

"Nguyễn Bách Khoa có tài, nhưng anh ta mới bước chân vào một vài học thuyết Tây Phương, anh ta say mê quá, tưởng đó là cái gì tân kỳ lắm lắm. Tuổi trẻ có những cái lầm đồ sộ".

Tiện đây tôi xin tặng Đào Duy Anh một bài thơ:

Tiêu phu dẫn gổ khô trên núi

*Em bán than gánh củi một vài
Sau lưng ngày tháng chạy dài
Trận nhìn tiền diện an bài năm xương
Tung bốn vó dậm trường ngựa ruổi
Mừng sát na theo đuổi máu xuân
Xương thu tử hạ luống từng
Phối tim quỹ đạo quay quần sang đông*

Khổng Tử

Chất thơ tiềm ẩn trong ngôn ngữ Đức Khổng quả thực phi phàm. Nhưng muốn nhận ra phải có đủ đầy trăm năm đạo hạnh. Tại hạ chỉ mới có một phần tư rưỡi tuế nguyệt thôi. Nên chẳng thể dám nhận ra.

Có lẽ một vị bồ tát, một vị linh mục^[1] ngày sau sẽ tìm ra cái mạch nguồn âm thầm giao tiếp *Dịch Kinh* và *Evangile*, *Luận Ngữ* và *Evangile*, *Luận Ngữ* và *Kim Cương Kinh*, *Dịch Kinh* và *Holzwege* vân vân.

Ông Lý Bạch

*Nhút chi nùng diễm lộ ngưng hương
Vân vũ vu sơn uống đoạn trường*

Riêng hai câu ấy thôi của ông cũng đủ khiến tại hạ đem *Truyện Kiều* đề tặng ông chơi một trận.

Người Trung Hoa đã diên rồ thêu dệt những giai thoại ngơ ngẩn tưởng làm vinh dự cho ông, nhưng thực ra đã bôi nhọ ông một cách cổ kim chưa từng có. Tại hạ đã nhiều phen muốn nêu sự vụ kia ra, những vừa nghĩ tới đã cảm thấy buồn nôn gớm guốc khôn tả.

Dưới chín tuổi, ông hãy yên lòng. Bọn thy sỹ ngàn năm sau mãi mãi tự nhiên biết rằng những sự tình kia không hề có thật. Không thể nào thy sỹ như ông lại bắt kẻ khác cởi giày giép cho mình. Còn bài “Phượng Hoàng Đài” ông làm ra không phải vì ganh tài Thôi Hiệu, mà vì tương ứng với Thôi Hiệu.

Rõn

Khổng Tử rõn diu dàng bao dong, Shakespeare rõn toe toét thiên hình vạn trạng, Homère rõn bát ngát phiêu bông. Kim Cương Kinh rõn ôn tồn thân ái, Nguyễn Du rõn ngậm ngùi, Camus rõn thống thiết, Malraux rõn ráo riết chịu chơi. Xuân Diệu rõn tào lao, Nerval Huy Cận dường như không thể rõn, Hồ Xuân Hương rõn tùm lum, Bà Huyện Thanh Quan không biết rõn, Nguyễn Thị Hoàng rõn xót xa, Trang Tử rõn độc đáo gay cấn, Trần Thy Nhã Ca rõn như thiên nữ lưu đày, Saint-Exupéry có định rõn chút ít, nhưng bỗng nhiên dừng lại tê buốt, Gide rõn ồm ồm cò ke tử mỹ, Sade rõn điên cuồng. Nietzsche rõn chết gục, Nguyễn Thị Hoàng rõn tan hoang, Hồ Xuân Hương rõn đo rôi đếm, đếm lại đeo, đeo xong thì đắp xéo, Như Lai rõn từ bi, Jésus Christ rõn bác ái, Sophocle rõn trang nhã thâm trầm kỳ tuyệt, Euripide rõn ẩn ẩn hiện hiện, Ngọa Long Sinh rõn u nùng, Kim Dung rõn bất tuyệt, Hồ Dzếnh rõn nên thơ chân thiết, Tú Mỡ rõn như đười ươi, Shakespeare rõn như phượng hoàng, Nietzsche rõn tan hoang xương máu, Gide rõn lúc giật lúc buông lúc chùng lúc thẳng, Tô Man Thu rõn não nùng, đốt cháy máu tim. Whitman rõn như thánh hiền thi đua lợi bơi với con nít, Apollinaire rõn như thiên thần yêu dấu gái trần gian, Emily Dickinson rõn kín đáo thơm tho, Faulkner rõn cho vừa lòng ma quỷ, Goethe rõn trung hòa đôn hậu, Heidegger rõn với phong thái thần thánh đóng vai trịnh trọng giáo sư, Whitman rõn cho thánh hiền chịu thua con trẻ, Gide rõn cà gậy uyên bác chịu chơi,

Apollinaire rợn như dòng suối xuân gheo khe mùa thu sầu mộng, Tản Đà rợn trong từng trận tàu hỏa nhập ma, Mỹ Nga rợn thì đua lên thăm chị Nguyệt, Việt Nam ngày xưa biết rợn, ngày nay hết cơ hội để cùng tứ hải rợn rồi rồi, Trung Hoa rợn bất khả tư nghị, ông Kút Xếp rợn chỉ được một thời gian ngắn, cô Phùng Khánh không thích thiên hạ đùa dai. Vì sao như thế? Vì đùa dai thì cái rợn ắt biến thành cái rờmmm...

Hồ Dzếnh

*Giếng vàng ánh ngọc nghìn xưa
Giở trang sách cũ hương thừa còn bay
Mà sao người đó ta đây
Tình duyên phảng phất như ngày đã xa
Người về ta mới nhớ ra
Yêu là thế đấy, mơ là thế thôi
("Phong Châu" – Quê Ngoại)*

*Lửa thơ bùng cháy giữa đời
Tình thơ thấm thiết cho người bán mua
Ý thiêng người thiếu ta thừa
Nghìn kho ân lộc trăm mùa mạnh Xuân
Khinh nẻo hẹp, ghét nơi gần
Mắt xa thăm hỏi muôn lần dậm băng
Dấu tàn trên đỉnh kiêu căng
Còn hơn muôn thuở cao bằng ngọn cây
Thơ về nắng sáng lừng lay
Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra
Cõi trần vắng tiếng thiên nga
Thơ không tuổi ý không già muôn năm
Gối lên bắc đẩu ta nằm
Nghe rung chân lạ thơ thần mười phương
Non cao nên đáng non buồn
Tuyết sương thấm mãi linh hồn quạnh hiu
Non tuy run rét bao chiều
Vẫn đem cao cả tiêu điều gửi mây
(Hoa Xuân Đất Việt)*

Phạm Thị Lan

Phạm Thị Lan là em ruột Phạm Quang Bình. Mười lăm tuổi. Làm thơ tuy không vững bằng Phạm Quang Bình, nhưng quả thật cùng nòi thiên tài nhỏ tuổi. Xin chép ra đây hai bài tiêu biểu.

Chị Hai

*Chị hai xuống chợ tối tàn
Ướt hai tấm áo một hàng nước mưa*

*Buổi đi sớm, buổi về trưa
Ướt một tấm áo còn chưa vừa lòng*

Ở trên tôi tam nói là “không vững bằng”. Thật ra sao gọi là vững? Sao gọi là không? Chất thơ thiên tài tuổi nhỏ phải là như thế mới được.

Cô Bạn

*Cô bạn học không thuộc bài
Nghe mưa nghe nắng thổi dài ngoài kia
Đầu hôm cho đến giữa khuya
Học bài không thuộc vở bìa giấy khô
Sợ thầy hay là sợ cô
Sáng nay không dám bước vô nhà trường*

Đáng lẽ ra, đối với một học sinh còn nhỏ, ta chẳng nên nói với nó rằng nó là thiên tài. Nhưng trường hợp Phạm Thị Lan, thì lại khác. Bảo nó là thiên tài thì nó cười rộ đáp: “Thiên tài hay không, không cần thiết. Cháu chỉ xin bác mua cho cháu một quyển văn phạm thế là đủ”.

Albert Camus

Ông nêu vấn đề “cõi phi lý” cốt để nói cái gì khác? Nghĩa là nếu bây giờ ta thật sự muốn mở cuộc đối thoại chân chính với tư tưởng Camus, thì điều trước tiên là phải khai triển phần vô ngôn trong tư tưởng của ông. (Xem mấy quyển *Tư Tưởng Hiện Đại*).

“Thoại trung hữu thoại”, lời nói đơn giản đó của người Tàu xưa, dường như tới ngày này vẫn chẳng học giả nào lưu tâm tới.

Với Camus, với Heidegger vân vân, suốt mấy mươi năm, nói quanh quẩn vẫn không rời. Heidegger nêu vấn đề Être và étant, vấn đề pensée méditante và pensée calculante, vân vân, ấy là ông muốn nhân đó mà đặt ra vấn đề khác. Nếu chỉ phải phân biệt đơn giản có thể thôi, thì hà tất phải lăm lờ – cái “huyền ngoại chi âm” – thì dù tẩu hỏa nhập ma có tự nhận mình rõ biết cái điều Heidegger nói, ta vẫn ù lì nằm vĩnh viễn trong cõi pensée calculante.

Cái pensée calculante đó đã khiến người ta cứ tiếp tục ngộ giải Camus, Gide, là những nhà tư tưởng tương đối không có quá u uẩn trong phép lập ngôn. Và cho dầu người ta không ngộ giải một cách quá hồ đồ, dầu cho người ta thể hội được cái điều Camus Gide muốn nói, người ta cũng chỉ mới thấy cái “đương nhiên” mà chưa nhận ra cái “sở dĩ nhiên” - chỉ tri kỳ đương nhiên, nhi bất tri kỳ sở dĩ nhiên.

Chung quy vẫn cái pensée calculante cứ ám mãi, ngay trong lúc người ta tuyên bố chống lại nó.

Bây giờ nếu chúng ta chịu sức bàng hoàn, chợt hồi tỉnh một chút, thì câu hỏi lù lù hiện ra trong đầu óc máu me, ấy là: - Sao gọi là mệnh đề phụ?

(Trong mấy tập một vài nhận xét về *Truyện Kiều*, một vài nhận xét về *Lục Vân Tiên* – Tân Việt xuất bản 1957 – có vài mệnh đề phụ đồ sộ, mà cho tới ngày nay vẫn chẳng có một ai lưu ý tới).

Bây giờ nếu thử một phen triệt để dứt khoát với mọi thứ luận lý chi ly của triết học Âu Châu,

(chúng cứ ám lấy chúng ta tại chỗ vô hình trung, ngay khi ta nguyên rửa chúng), thật sự thử đọc Camus và những thi sỹ thiên tài Tây Phương hiện đại với những con mắt của những nhà tư tưởng và thi nhân Đông Phương (trong đó có Nguyễn Du), thì mọi nhận định của ta sẽ đối khác từ ngọn ngành tới cội rễ. Và chúng ta sẽ càng hiểu được nguyên do cuộc lập ngôn tam bành của những ông Nietzsche, và trăn cường bức nghiêm mật của những ông Heidegger.

Người ta không bao giờ thật sự chiêm niệm, nên những điều đơn giản hiển nhiên, đối với người ta cứ như trở thành hồ đồ, không chính xác. Người ta thường chỉ trích tội tư tưởng vô đoán, không mạch lạc, hoặc sai lệch điểm này, khuyết điểm nhằm lẫn chỗ kia. Không bao giờ người ta giật mình sức tỉnh trong thâm để linh hồn, để thể hội rằng: lúc bo bo công kích theo lối “đam đam khuy tử” đó, thì chính người ta đã đang chịu làm miếng mồi mềm mại cho cái tinh thần máy móc hỗn độn của chính cái tinh thần duy lý thô thiển mà người ta đang công kích. Cái tư tưởng “calculante” nó luôn luôn còn cò kè xúi giục tủy não người tẩu hỏa nhập ma, bằng một đường lối luẩn quất kỳ dị. Nó cũng có cái tính chất “nhị bội” riêng biệt của nó.

Hầu hết những điều Heidegger, Nietzsche, Gide, Camus... đã nói, là nói với Âu Châu Triết học, nơi giữa mảnh đất đai Siêu Hình Học. Thì dù nói cao, dù nói thấp, là chỉ cao thấp đối với Siêu Hình Học Âu Châu, vạch một đường cày trong mảnh đất Âu Châu. Không thể đem ra công kích hoặc tán dương theo lối tư tưởng một chiều, bỏ lạc cái lẽ “sở dĩ nhiên” trong phép lập ngôn của họ. Càng không thể đem ra ca ngợi nhằm chủ đích gián tiếp tàn phá ngôn ngữ bọn tài tử Đông phương.

Cho đến ngày nay người ta vẫn bảo rằng Nguyễn Du ký thác tâm sự “di thần triều Lê” trong tác phẩm của ông – thì như thế tư tưởng còn bước đi bước đứng như thế nào? Rồi những điều Nguyễn Du nói với ma, thì quý lại tưởng là nói với quỷ, lại tưởng là nói với thánh thần. Những ngộ giải chạy tràn lan. Quý không hài lòng về Nguyễn Du, thần thánh bức bội vì Nguyễn Du, thánh thần lại hoan hỷ vì Nguyễn Du!!! Thật không còn biết làm sao dò cho ra manh mối. Minotaure tha hồ chạy đù đởn trong mê cung “hỗn thủy” đó để triệt để “mô ngư, tróc giải”, từ trong *Khung Cửa Hẹp* tới mọi lối quanh quẩn của *l'Étranger*. Trong khi đó, Rilke bó tay, cặm cùi dịch thơ Valéry, dịch văn Gide. Chỉ một mình Rilke biết Gide muốn nói gì trong *Khung Cửa Hẹp*. Thì Minotaure lại vồ lấy Rilke để nuốt chửng *La Porte Étroite*.

Thế thì sao gọi là *L'Immoraliste*? Gide viết tiếp *La Symphonie Pastorale*. Camus viết tiếp *La Peste*.

Chạy đuổi theo Gide, Camus, Minotaure quay về o bế Walt Whitman. Lợi dụng *Lá Cỏ* để tàn phá *Lá Cỏn*. Học đòi vài thể điệu *Mưa Nguồn* để xua đuổi *Ngàn Thu Rớt Hột*.

Vậy xin viết vài câu thơ lai rai.

Hoàng Hậu luống muộn màng Công Chúa
Nảy hoa xuân cảnh múa lộn vòng
Ba thu càng lắt càng đong
Càn đầy tâm sự cõi lòng càng vơi

Đỗ Long Vân

Cuốn sách của ông bàn về Kim Dung nằm trong vùng tư tưởng thâm viễn như cuốn *Nho Giáo* của Trần Trọng Kim. Chẳng những giúp người Việt Nam hiểu tư tưởng lớn của thiên tài Trung Hoa, mà còn khiến người Trung Hoa, người Đông Phương, Tây Phương nói chung ngày sau sức tỉnh. Tầm quan trọng của cuốn sách kia quả thật rộng rãi không cùng.

Tôi có thể đưa ra vài nhận định khác của ông ở đôi chi tiết. Nhưng không cần. Điều cốt yếu, ông đã nói xong, và những dư vang vô số sẽ tỏa khắp mọi chốn. Và sẽ còn khiến người ta thể hội cái mạch ngầm trong những tác phẩm của những thiên tài xưa nay, bất luận là Đông Phương hay Tây Phương.

Sách tôi bị cháy hết, nhưng tôi sẽ tìm riêng cuốn *Trương Vô Kỵ Giữa Chúng Ta* để đọc lại nhiều lần. Tiện đây tôi xin tặng ông một bài thơ lếu láo:

*Chân hai gót bước đi sè sè
Bác tiểu phu có lẽ nào quên
Lá rừng rậm rạp xuôi nên
Cây rừng cũng rậm ở trên rú rừng
Làm học giả nửa chừng biếng nhác
Vẳng đâu đây câu hát ngày xưa
Một hai ba bốn khôn người
Chép lời lá cỏ gọi bừa lá cây.*

Lê Đình Thám

Ngày xưa ở Huế làm học sinh, tôi có tới chùa Từ Đàm nhìn và nghe ông Lê Đình Thám.

Về sau lại tình cờ nhìn thấy ông ngồi trên ghe ở một mặt hồ nước vùng núi Vĩnh Trinh. Ông tản cư qua làng tôi một độ. Trông ông như một đạo sỹ ngồi trên ghe tĩnh mịch như Nam Hải Điều Đồ.

Tiện đây xin tặng ông một bài thơ:

*Chân người ta gót người ta
Ma men sờ soạn cá hòa chan chim
Giây leo giậu đổ bìm bìm
Chim đêm gọi cá về tìm mưa sa
Giật mình đếm một hai ba
Trời xanh Thượng Đế Christ là Jésus*

Trí Hải Ni Cô

Ngày ông Lê Đình Thám ở chùa Từ Đàm Thừa Thiên, chắc là Trí Hải Ni Cô chưa bao nhiêu tuổi.

Ngày nay trông ni cô còn đẹp hơn cả mấy người con gái của Ông Lê Đình Thám. Vậy tôi xin tặng ni cô một bài thơ:

*Bạc mệnh diên trường dư nhất nhật
Tam sinh quyên đảo thất diên tam
Tiền đường hô hấp hội đàm
Trùng sinh tâm tự từ đàm tiểu lâm*

*Chân bước một tử phần riêng rẽ
Cánh tung đôi cô lẻ nhận trời
Giỏ hoa người hốt nhiên rơi
Giấy lòng cung bậc ra đời điệu xoang*

Ông Whitman ôi

Tại hạ làm thơ nửa phần giống thơ ông, nửa phần giống thơ ông Dylan Thomas. Nhưng giống theo thể thái bê bối đười ươi chứ không có được cái phong độ thiên tiên cốt cách. Vậy bây giờ tôi cố gắng làm một bài thơ rất mực cốt cách thiên tiên để tặng ông chơi một trận. Tuy nhiên càng hì hục bắt chước thiên tiên càng lộ ra cái nết na đười ươi phong thái. Vậy tôi xin ngâm ngủi dừng bút, chẳng dám ký tên dưới tờ thư cay đắng.

Nietzsche Hölderlin Rilke

Rilke may mắn hơn Hölderlin Nietzsche, vì Rilke gặp những bạn bè thiên tài chân thành bắt tay ở Pháp. Trái lại Nietzsche Hölderlin. Hai ông này toàn gặp bạn bè phản phúc. Kẻ chân thành thì tư tưởng lại quá thấp, chẳng hiểu hai ông nói cái gì. Nietzsche rú lên một tiếng. Hölderlin lặng lẽ âm thầm đi vào cõi điên. Trong cõi điên, ắt ông chỉ gặp riêng oan hồn Nerval mà thôi. Chỉ riêng Nerval là kẻ đồng thanh khí, cùng chia với Hölderlin cái thảm kịch dị thường.

Shakespeare

Những hài kịch hý hước của ông đã đành là vui đáo để. Nhưng những bi kịch âm u nhất của ông cũng pha cái điệu cười ngầm bất tuyệt. Những nhân vật bê bối nhất cũng chơi chơi trong tấn tuồng quỷ loạn, và có cái vẻ khả ái riêng biệt.

Cũng vì lẽ đó nên đọc Shakespeare có cái chỗ nguy hại là: sách ông khiến cho người ta mất ngủ trong những trận cười suốt đêm.

Chỉ riêng một điều: ngôn ngữ Tây Phương không có phép nói lái. Do đó Shakespeare đã tiêu hao tài nghệ trong những trận cưỡng bức dữ dội. Ngôn ngữ không nói lái, mà những Tên Hề của ông, ông buộc chúng phải nói lái bằng bất cứ giá nào. Thì thử hỏi: làm sao thành tựu viên mãn cuộc nói lái cho được?

Thế mà Shakespeare vẫn cứ thành tựu được cuộc ấy như thường. Có lẽ ông đã tận dụng khả năng Anh ngữ trong cái kho văn chương bình dân bát ngát. Từ đó, những kịch bản của ông vượt hết mọi kịch bản Hy Lạp Eschyle Sophocle Euripide. Bởi vì trong kịch bản của ông có bao hàm mọi thứ dị thường của kịch bản Hy Lạp được đẩy tới tột cùng cuống rốn, mà còn thêm những màu sắc riêng biệt của thiên tài ông, không một thiên tài cổ kim nào bì kịp trong lãnh vực kịch trường.

Shakespeare có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời – đó là điều mà học giả Tây Phương không thể nào ngờ tới. Mọi sách biên khảo về Shakespeare đều bùng bít trong những nhận định tủa mủn, gò bó trong những nhận xét về tâm lý nhân vật, về nghệ thuật kịch bản - những định kiến bám sâu trong tủy não người học giả Âu châu trải mấy thế kỷ - trong khi anh hoa thiên tài là tái tạo, là tái lập mọi quy chế, là phá vỡ những lề luật vớ vẩn chỉ cần thiết cho bọn tài năng thông thường.

Những bản dịch Shakespeare ra Pháp ngữ đều chịu đầu hàng vô điều kiện trước phép nói lái của Shakespeare.

Hoài Thanh

Nếu cuốn sách của Hoài Thanh (Thi nhân Hiện đại) không ra đời, thì thi ca hiện đại Việt Nam ắt phải tang hoang tinh thể do sức tàn phá của cuốn sách *Nhà văn Hiện đại* Vũ Ngọc Phan. Trong thế hệ trước, ngoài Hoài Thanh ra, không còn một kẻ nào có thể ngờ ra thiên tài Huy Cận. Dẫu có ngờ ra ắt cũng không thể viết được như Hoài Thanh.

Hoài Thanh am hiểu thi ca Tây Phương, mà vẫn dám coi nhẹ Tây Phương trước thiên tài Huy Cận Nguyễn Du. Đó là điều hy hữu.

Hoài Thanh thừa biết rằng những thứ ta quen gọi là “chủ đề” trong thơ Huy Cận - những suy tư về thân phận con người, về cái chết, về tình yêu v.v... - những thứ đó chả có chi tân kỳ. Cũng như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du chả có chi bí ẩn, nhưng thiên tài chính là kẻ làm “mới” lại những chủ đề cũ kỹ trong ngôn ngữ đơn giản của mình.

Thơ Xuân Diệu tràn lan những chất liệu thi ca Pháp. Nhiều phen ông nói toàn chuyện rơm. Nhưng thiên tài của ông là ở chỗ: vì quá thâm hậu, nên đùa chơi suốt kiếp với chuyện rơm.

Hoài Thanh cũng là kẻ riêng biệt âm thầm cảm thấy sự đó.

Huy Cận

*A thân thể! một cái bình tội lỗi
Đất sơ sinh đã hóa lại bùn lầy*

Một ý tưởng chẳng có chi mới lạ. Nhưng câu thơ của Huy Cận lại tươi mát như bầu trời.

*Và cổ đứng như mình cây vững chãi
Và vai ngang như mặt nước xuôi dài*

Viết câu thơ lai rai như thế mới đích thật là thiên tài. (Còn như bài “Tràng Giang” của ông chính ông cũng lấy làm đắc ý lắm, thật ra còn vương vương, không có chi huyền ảo cả.)

Và cái câu:

*Tôi đội tang đen và mũ trắng
Ra đi không hẹn ở trên đường*

Ông viết hai câu thơ kỳ tuyệt như thế, thì thử hỏi: còn chi đáng kể nữa? Ông thừa sức xô ùa Đường Thi chạy mất hút. Toàn khối thi ca Trung Quốc, toàn khối thi ca Tây Phương, hầu như bị nổ bung lông lốc, vì trái lựu đạn đơn giản đó của ông tung ra.

*Và đôi mắt ấy biết nhìn xa
Khi ngoảnh gần bên biết đậm đà
Nhưng cũng biết gieo buồn khía cạnh
Lạnh đồng tê giá nét thu ba*

Tại hạ mấy mươi năm nay đọc cũng nhiều loại thi ca ngoại quốc, mà tuyệt nhiên chẳng thấy một vần nào dám ngang nhiên đứng vững trước mấy vần thất ngôn của Việt Nam nọ.

Ấy bởi vì? Bởi vì thơ Huy Cận vốn là sầu, nhưng đó là loại sầu thương đẳng Như Lai, nên chỉ trong cái nỗi sầu có pha chất gay cần chịu chơi. Thơ Homère, Sophocle, Shakespeare, Nietzsche cũng thường có chất đó. Trái lại, thơ hoằng viễn như không của Nerval, Hoelderlin, Eluard, lại dường như không có. (Ấy bởi vì họ chịu chơi theo lối từ bi khác).

Dù sao ta cũng có thể nói rằng thơ Huy Cận quả có như là cõi miền huyền bí nhất của tinh thể Đông Phương.

Martin Heidegger

Ông nằm giữa mê cung triết học Âu Châu, ông rờn rờn đùa đùa với mọi con Minotaure trong đó. Ông đo lường bao dong, dù biết nó ngoan cố ông vẫn chậm rãi dạy dỗ nó, kiên nhẫn với nụ cười của ông nội, ông ngoại. Ông biết rằng mình thừa thãi công lực thâm hậu, không bao giờ có thể bị nó ám hại đến nỗi phải lâm vào tình trạng tẩu hỏa nhập ma và bị nó vồ nuốt, nên ông thông dong đi sát bên nó mà gùn ghè, ông dú dõn nháy lui nháy tới, thỉnh thoảng ông giả vờ như mình bị bế tắc đầu hàng, để có thể ngấm ngầm bày vẽ cho nó những thế võ mới để nó có thể kéo dài cuộc tranh chấp với ông, nhiếp dẫn nó tới cõi đồn ngộ cuối cùng. Cổ kim, Tây Phương chỉ có một mình ông thượng đạt tới tốt vời như Khổng Tử.

Thượng Đế

Nếu Thượng Đế quả thật yêu thương loài người, thì Thượng Đế nên tạo ra nhiều nương tử khổng lồ. Ấy là cốt để làm gì? Ấy là cốt phòng khi nào bọn chán đời muốn lọt vào lòng mẹ trở lại thì có chỗ để lọt đầu chui vào. Và như vậy sẽ còn cơ hội được sinh ra đời lần khác, khởi sự làm trở lại một thằng bé sơ sinh tuyệt nhiên không biết sao gọi là chán đời.

Tuy nhiên vì trái đất nhỏ hẹp quá, nếu tạo ra Nương Tử khổng lồ thì các nàng sẽ không có chỗ trú. Vậy trước tiên, Thượng Đế nên thổi phồng trái đất to ra gấp mười lần, thì sự tình sẽ được dàn xếp viên mãn về sau.

Ông Trời xanh

Ông trời xanh đã bắt đầu có địa vị trong nền thi ca Việt Nam, kể từ ngày cái chất bê bối của ông được thiên tài Nguyễn Du dựng lên sừng sững khắp chốn trong *Truyện Kiều*.

Gấm hay muôn sự tại trời

Mọi biến cố xảy ra trong tác phẩm huyền diệu nhất nhân gian, đều do ông Trời Xanh bài bố.

Gauguin

Gauguin bỏ Âu Châu, dứt khoát với mọi trường trại lỗ nhố Tây Phương, thẳng tới một hải đảo Thái Bình Dương dựng lên một trận hỏa hoạn vô tiền khoáng hậu. Ông dựng toàn khối thảm kịch nhân gian trong con mắt thơ ngây người gái đảo. Thảm họa chạy tràn lan, ngập khắp mùi hương cây cỏ giữa sa mạc đại dương.

René Crayssac

René Crayssac dịch *Truyện Kiều* ra Pháp Ngữ, vướng vào những lối sống sượng không thể tránh được.

Nhưng với tất cả những khuyết điểm khổng lồ kia, vì lẽ gì bản dịch của ông vẫn sừng sững nằm trong văn học Tây Phương như một tòa lâu đài Hy Lạp?

Qua cuốn sách của ông, người Tây Phương có thể nhìn thấy toàn khối văn minh Đông Phương lấp lánh trong sương mù.

Và người Đông Phương ngày mai sẽ nằm trong định mệnh: chỉ còn có thể nhìn ra thiên tài Nguyễn Du là qua bản dịch của Crayssac mà thôi.

Hồ Dzếnh

Phải quên mấy bài lục bát của ông Hồ Dzếnh thì mới còn can đảm làm thơ. Hoặc còn chịu khó đọc thơ Tây thơ Tàu.

Nhưng mỗi phen đang giữa cơn chịu khó liên trì mà chợt sức nhớ cái bài “Phút Linh Cầu” của Hồ Dzếnh, thì ối thôi! ối thôi! Chẳng còn thể nào tiếp tục công việc gì nữa cả. Linh hồn bỗng nhiên xô ủa máu me chạy tuột đi hướng khác, vô phương nắm cầm lại...

*Khói trầm bén giấc mơ tiên
Bâng khuâng trắng rải qua miền quạnh hiu
Tô Châu lớp lớp phù kiều
Trăng đêm Dương Tử mây chiều Giang Nam*

Không còn một loại thơ kim cổ nào đứng nổi trước cái trận chiêm bao kỳ ảo kia. Tôi thách các bạn tìm bất cứ trong thi ca cổ kim một bài thơ nào đứng vững nổi trước mấy vần lục bát của ông bạn Minh Hương kia.

Hễ thông dong tự tại thả mình theo thơ đó, thì cảm thấy như mình biến làm thiên thần. Mà hễ hì hục cố bàn giải vào, thì bỗng nhiên tức thở, ngột hơi, cảm thấy mình là một con đười ươi lếu láo trơ trẽn, không biết xấu hổ là gì.

Lỡ viết ra đôi lời giải thích thì về sau sẽ ân hận, sẽ mòn mỏi máu me kịch liệt.

Cũng may cho ông Nguyễn Du sinh ra ở thế kỷ trước. Nếu sinh ra đồng thời với Hồ Dzếnh, ắt ông Nguyễn Du không còn chịu viết *Đoạn Trường Tân Thanh* làm gì. Mọi thi sỹ ngày nay đều là kẻ bất hạnh. Bị đọa đày làm thi sỹ, trong khi cỡi thơ không còn lối để bước. Mấy chục bài lục bát của Hồ Dzếnh là đại dương thi ca. Ta còn đem vài giọt nước rót vào đại dương làm gì?

Có lẽ Hồ Dzếnh cũng rõ điều ấy, và vì lòng từ bi, ông bèn làm thêm nhiều bài thất ngôn xoàng xoàng in xen lẫn vào. Cốt để che bớt cỡi bao la của đại dương. Nếu không làm thế, thì mặc nhiên lên án tử hình hết mọi thi sỹ năm châu.

Ấy có nghĩa rằng: tập thơ *Quê Ngoại* của ông cho người đọc nhìn ra ẩn ngữ thơ mộng của mặt đất chỗ này: một tâm hồn nhỏ dại, quanh quẩn với những nhớ nhung nhõng nhẽo tâm tình bẽ tha, mỗi phút xuất thần kỳ ảo bỗng nhiên nhảy vọt một bước lên tột đỉnh thiên tài, không có gì giải thích được.

Tiêu Quỳnh

Lần này gặp lại tâm hồn của hai non nước Thừa Thiên Hà Tĩnh giao thoa sương bóng.

Sương Bóng

*Ngày qua tháng đưa năm về nguyệt
Tuyết rung rinh cự tuyệt thời gian
Đi qua hàng xóm xin hàng
Chữ trong nét bút đầu trang khuynh thành
Hen với nước màu xanh nguyên thủy
Góp chùm bông hương dị dị phai
Lời theo đăm gió xuân dài
Đầu hôm cá biển cuối ngày chim non.*

Mai Vân Thu

Tôi đọc lại nhiều lần mấy chục bài thơ của Mai Vân Thu, vẫn hồn hộn ngạc ngạc như lần đầu. Tuyệt nhiên không thể xác định được tinh thể điệu thơ của cô. Gắng hồi tưởng xem mình đã từng gặp điệu thơ ấy ở chân trời nào chưa, vẫn quả như là chưa hề gặp. Thơ của cô có vẻ như màu xanh nước biển quanh một vùng hải đảo nào tôi chưa có dịp tới. Hoặc như màu mây gió ở một hành tinh nào không giống như ở trái đất chúng ta. Xin trích ra đây một vài bài.

Chiêu hoa

*Chiêu hoa mạch mạch hai dòng
Trổ xum xuê ngọn ngoài trong như vàng
Lục thành tam nguyệt vừa toan
Tấm thanh sam cũ chìm tan sương đồng
Tiểu nhi ý nguyện như hồn
Còn trong ý tứ khuôn tròn đông đưa
Một rằng thốt một rằng thừa
Bình minh trắng mọc ngọn dừa ngủ say*

Tỳ tử hát

*Tỳ tử hát tiếng ngang lời dọc
Cho yên vui màu tóc nữ vương
Một mai má đỏ môi hường
Rẽ sang bến khác còn mừng tượng nghe
Chấm ngòi bút sắt se vào mực
Viết ra câu thúc giục sương mù
To son điểm phấn hư phù
Bước ra bờ cõi đất trù hoạch chi*

Vui nhất và buồn nhất

Có lẽ thơ nói được cái buồn nhất. Nhưng làm sao nói được nỗi vui nhất? Nó như mây như khói, hay là như cái gì?

*Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc non phơ bóng vàng*

Nhưng sao gọi là vui nhất? Có cái vui rộn ràng nhất. Nô nức nhất. Hồi hộp nhất. Xao xuyến nhất. Cuống quýt nhất. Thanh bình tự tại nhất.

Nhưng sao gọi là nhất?

*Ví đem vào sổ nhất trường?
Thì treo giải một mà nhường cho hai?*

Cực độ của vui nhất, rất có thể khiến người ta vỡ toang linh hồn, rồi chết mất. Thế thì trong bình sinh con người ta, không bao giờ có cái gì gọi là nhất hết cả? Có lẽ...

Hölderlin

*Cây trong rừng lớn mạnh mỗi cây
Cọp trong hang mỗi hang mỗi cọp
Tỳ tử ngậm bóng sương huếch hoác
Nữ vương đùa toe toét miệng môi
Ra đi hết đứng lại ngồi
Khung trăng lữ thứ trong đời cõi ma
Tam bành nhị bội tăng gia
Hàng chân chữ bát bước qua giậu rào
Chùm nộ phóng lữ hào phồn thịnh
Lam phù dung núng nính lưng tôm
Môi sơn miệng mở đỏ lòm
Diotima ạ, ngó dòm cái chi?
Sinh đã biệt thì ly luôn tử
Rượu hư vô nốc thử ly này
Hai hàng tay chấp trong tay
Mnemosyne ạ sau này gặp nhau.
("Thơ Vịnh")*

Hàn Mạc Tử

Làm sao nói gì về Hàn Mạc Tử? Ông gào kêu trong thơ thảm họa của đời ông. Mà đời ông là chỗ về tụ tập của mọi thảm họa nhân sinh.

Thơ ông là một tiếng thét và một lời than. Tiếng thét đầy máu, tiếng than tràn ngập hư vô. Lúc hãi hùng khiếp đảm, lúc quạnh quẽ lạc phách xiêu hồn.

Tôi không đọc thơ ông. Tôi đứng xa xa, người ta hỏi tôi về thơ ông thì tôi xin đánh trống lảng.

Thơ tôi làm, một lần tôi tặng ông trong *Mưa Nguồn* – ngoài ra mọi lần sóng bành bãi trong mấy cuốn thơ của tôi chỉ là một cách dìm ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm bão giông một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn, đem phó thác thảm họa trần gian mang trên hai cánh mỏng bay đi. Bay về Tử Trúc Lâm, bay về Sương Hy Lạp, ghé Clavaire viếng thăm một vong hồn bát ngát, rồi quay trở về đồng ruộng làm mục tử chăn trâu. Làm mục tử không xong bỏ trâu bò chạy lạc, phá phách mùa màng khoai sắn, thì tôi chạy về bấm báo với ni cô cho phép con chuồn chuồn của tôi cư lưu một phút giây trong linh hồn bao dong phương trượng. Ni cô xua đuổi tôi thì tôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ đại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao, thơ về lãng đãng thì từ đó vẩn bắt tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao:

*Một hôm đếm một ra hai
Lộn là lạ lẩn lai rai bốn lần
Trăng Châu Thổ rất mực gần
Mà ra tại hạ vô ngần chiêm bao*

Đinh Hùng

*Chúng ta khóc như một bầy thú dữ
Lòng đã man nghe trái đất tan tành*

Câu thơ như thế đủ giúp mọi người bước vào cung cấm *Mê Hồn Ca*, chậm rãi đón nghe cái lời gì trong linh hồn vẩn thạch.

Tặng ông Đinh Hùng vài vần cảm khái:

*Bị thường bách tân toan dự khổ
Ngọc vẫn hương tiêu tộ thử thân
Vẳng nghe hàng xóm lối gần
Chân đi gót bước cơ trần đa đoan
Hoàng hậu luống muộn màng công chúa
Nảy hoa xuân cùng múa lộn vòng
Ba thu càng lắc càng đong
Càng đầy tâm sự nổi lòng càng vơi*

Ngày ông còn sống, tôi gặp ông mấy lần. Câu chuyện cứ lạc lõng âm thanh. Ông đánh mất ông, tôi đánh mất tôi. Không hề gì, không hề gì.

Tặng ông một bài nữa:

*Tam thiên thủ lạc thiên trường đoản
Tiểu viên hương vũ loạn mông lung
Cuồng ca túy hậu điệp trùng
Diêu từ tiền diện bách tòng tiểu tiên
Hà xứ khán minh niên minh nguyệt
Thử sinh hòa thử tuyết thử sương*

*Vô thanh ngân hán đoạn trường
Mộ vân thu tận vô thường vân tiêu.*

Phổ Đức

Đọc thơ Phổ Đức nghe hân hoan như vào vườn cây đủ mọi thứ trái. Trái nào cũng muốn ăn chơi.

Đúng là như thế. Đọc thơ Tạ Ký, Hoài Khanh có cảm giác như uống rượu. Mà đọc thơ Phổ Đức thì quả thật là như ăn trái cây, như leo cây bẻ trái. Hoặc leo cây rồi nằm ngủ trên cây, không muốn tuột xuống đất.

Sài Gòn thành phố thân yêu

tặng Nga

*Hỡi em yêu dấu!
mỗi lần về anh ghé thăm em
Sàigòn thành phố thân yêu
em ở đó làm sao xa được
Sàigòn là hơi thở của cơ thể anh
thành phố của áp phe
môi trường của văn học
anh ước ao được thất nghiệp ở Sàigòn
hơn làm có tiền ra tỉnh lẻ
tiền có làm gì khi thiếu em
và bạn bè thân thuộc
thiếu em là hồn ảnh mất điểm tựa
xa bạn bè là hết văn nghệ rồi em!
Sàigòn Quán Chùa có Toàn, có Mậu
Kim Sơn có Ly, Bô Đa có Sơn, có Ngọc, có An
và biết bao nhiêu người nữa
ở Đêm màu Hồng ở Mác-Xim
ở Quán Gió, Thăng Bờm, Bão, Thơ, Mai, Lú
Phấn Thông Vàng, Mai Hương, Thanh Bạch...
đang chờ anh từng phút từng ngày
gặp nhau dù chỉ để bắt tay
hay hỏi vay tiền cũng đều cần thiết
ngày vào lính anh xa thành phố
Sàigòn thân yêu nhìn rõ lòng người
bộ mặt đời đã tầm thường càng tầm thường hơn nữa
danh liệt rồi chỉ còn em hiểu anh thôi
anh từng xuôi ngược khắp Miền Nam
Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt
Vũng Tàu, Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau, Long Xuyên
đâu cũng chẳng bằng Sàigòn thành phố thân yêu
quê hương mưa nắng hai mùa*

anh đã trưởng thành ở đó
nên xa Sài Gòn anh vô cùng khổ sở
bảy tháng rồi em
(hơn 210 ngày và hơn 5.040 giờ đúng 302.400 phút đúng 18.144.000 giây)
anh chờ lại Sài Gòn
với bạn bè, thơ văn, sách báo
với những ngày lang thang
cơm bình dân, mì, bò kho, đầu đường, xó chợ
rồi chui vào rạp Rex ngủ trưa
đợi chiều đi dạy giết thời giờ
với những đêm thức trắng làm thơ
hay xoa mà chược
bảy tháng rồi em
ai đưa em đi xoa?
ai đón em đi ăn bánh cuốn Phan Đình Phùng
hẻm Casino Sài Gòn, ngã tư Quốc tế cầu Tân Thuận
đợi Rex, Đại Nam, Eden, Vĩnh Lợi đổi phim
truyện Kim Dung đã xem hết chưa em?
đọc để an ủi cái bất hạnh của từng nhân vật
bè bạn mình chắc cũng có người cưới nhau
nhưng tin vui chỉ bằng 1/10 tin buồn, cáo phó
bây giờ xem báo
anh lật trang chót trước
đọc để chau mày, nhăn mặt, cúi đầu
lệ chảy nhiều nên khô cả thương đau
thân làm dĩ chai đá mòn ân ái
quê hương rách như đời mình hiện tại
dù muốn dù không em hãy tin định mệnh an bài
em yêu ơi!
anh sẽ về dù gió, mưa, bão, đạn
dù hết tiền xe, dù nhẩy rào, dù bị cạo trọc đầu
anh quyết về với thành phố thân yêu
để nhìn thấy mặt em và bè bạn
để hơi thở được tự do
và nụ cười được cởi mở
cho những cuộc hẹn hò còn tiếp nối
để dựng lại đời trong đổ vỡ chồng chênh
và nguyện sẽ chẳng bao giờ xa Sài Gòn
như chẳng bao giờ anh xa em

Tuổi đời ba mốt

vào tuổi ba mươi mốt để thấy phần đời còn lại
để nhận rõ mình và hiểu người nhiều hơn
tuổi cay nghiệt nếu không muốn nói là định mệnh
đay nghiệt hồn gần vỡ mặt - nát thân
ba mươi tuổi lẻ tôi biến thành chong chóng
xoay đủ chiều trong vũng cạn tối tăm
mặt đã lem tôi cố chùi thêm loang lổ
nên xưa tay như chiếc lá giữa dòng
tôi rong ruổi đó đây từ năm 18 tuổi
13 năm sau người ta trói chân tôi
con số 13 – con số bất hạnh dù lật ngược nó

như tóc cao nhẵn rồi – râu mọc dài thêm
tôi đã đổi dạng thay hình khi nhận tuổi 31
nên mọi người đều nhìn với dửng dưng
đời tôi lao như xe tuột dốc
phanh đứt lìa – bánh chạy mãi không dừng
em đã hiểu – tôi thầm cảm ơn Phật, Chúa
cho niềm tin đủ soi sáng đời mình
tâm hồn em là dòng sông lớn
tôi là thuyền chở mộng nổi lên đênh
đúng mùa xuân em đầy hai mươi
tuổi của gần nhau hiểu chuyện đời
chiến tranh đã làm chúng mình xa cách
dù góc biển, chân trời – hãy nguyện cầu còn đủ chân tay
tôi chờ đây với những ngày dài nhất
nổi chết không rời ám ảnh quanh tôi
buồn trùng điệp đến vây gần nghẹt thở
tôi như ếch giam đáy giếng trông trời
sáng đến chiều qua đêm đã hết
tôi đếm ngày tháng từng phút từng giây
niềm tin héo như cuộc tình đánh mất
sau mỗi lần yêu như canh bạc đen hoai
tôi treo vông đời trên dây kẽm gai
móc hồn gần rơi gió lay đưa mỗi
tôi muốn nhảy sợ thọt chân mù mắt
nên lờ im nằm thoi thóp đợi chờ
ba mươi một tuổi - nửa đời thất bại
những ngày về sau lại tối tăm thêm
tôi ngồi đây như thẳng gù chờ mở số
vé bị cắp rồi cứ tưởng còn nguyên.
Phổ Đức (Giấu mặt)

Hoàng Trú Ly

Một thứ rượu chua chát nhất ở thành phố.
Ở Sài Gòn

Soi gương lạ mặt bao giờ
Nửa đêm lãnh đăng tôi mờ bóng tôi
Ở đây vụng dại với người
Nghiến răng nhai mãi nửa lời vô duyên

Cõi dấn thân

Tôi còn yêu cho biển còn xanh
Mây còn bay cho chim chấp cánh
Ngựa què rồi em cỡi lưng anh
Tôi cứ yêu khốn nạn cứ cười
Chim cứ bay cho mây gãy cánh
Em chết rồi ai ám sát tôi?

Tạ Ký nói chuyện cay đắng, Tạ Ký còn can đảm kiên nhẫn viết ra một trang năm ba chục câu thơ. Đến như Hoàng Trú Ly, ông chỉ viết bốn câu, sáu câu. Ấy bởi vì cái thứ rượu ông dọn ra là

cái loại rượu quá chất. Kể từ lượng thượng thừa, cũng chỉ nhắm vài giọt là choáng váng tối tăm mảy mặt.

Nằm mộng thấy nữ sinh

Ta từ giấc mộng bước gần em
Đường phố đầy trăng hay mặt trời chìm
Ô hay con gái bay nhiều thế
Hai cánh tay mềm như hai cánh chim!
Như cuống của hoa như cội của cành
Em đến bao giờ là em của anh
Thôi đã vô cùng cô liêu bóng cả
Như chim xa rừng tội nghiệp rừng xanh
Tuyệt mù giấc mộng mỏng như sương
Vai áo hào hoa tê tê bụi đường
Ra đi ta đắp thêm sông núi
Trời rộng sông dài nỗi nhớ thương

Cõi dẫn thân

Tôi còn yêu cho biển còn xanh
Mây còn bay cho chim chấp cánh
Ngựa què rồi em cỡi lưng anh
Tôi cứ yêu khốn nạn cứ cười
Chim cứ bay cho mây gãy cánh
Em chết rồi ai ám sát tôi?

Vĩnh biệt

Rồi mai khởi sự ra đời
Chuyến xe trăm tuổi đưa người nghìn năm
Trắng sao bốc cháy chỗ nằm
Áo xanh mây lá vết bầm núi non

Ca sĩ

Từ em tiếng hát lên trời
Tay xao dòng tóc tay mời âm thanh
Sợ buồn chẻ xuống lòng anh
Lặng nghe da thịt tan tành xưa sau
Trời em tiếng hát lên từ
Âm ba tóc rối lững lờ vòng tay
Áo dài lửa nắng vào mây
Dấu chân hồng nhận rưng đầy gió sương

Ở Sài Gòn

*Soi gương lạ mặt bao giờ
Nửa đêm lẳng đặng tôi mờ bóng tôi
Ở đây vụng dại với đời
Nghĩ rằng nhai mãi nửa lời vô duyên*

Bích Yên

Cô nữ sỹ này làm thơ chân thành. Nếu cô đi tu, ắt sớm thành quan âm bồ tát.

*Mưa tháng bảy mưa trôi vào quá khứ
Đứng che hồn nghe lạnh khắp châu thân
Vòng ân ái khép em vào tấm tối
Vì yêu anh em khổ biết bao lần*

Khổ như thế, thì phí đi. Cô nên đem tình yêu kia trao gửi cho Như Lai ắt là hết khổ.

Nói như J. Leiba:

*Phù thế đã nhiều duyên nghiệp quá
Lệ lòng xin cạn chốn am Không
Cửa thiền một đóng duyên trần dứt
Quên hết người quen chốn bụi hồng.*

Đi tu chơi vài năm, lúc bấy giờ cô sẽ nghĩ sao khi đọc lại những vần thơ trầm trọng ngày trước:

*Niềm tin vỡ như nắng tan mặt biển
Kỷ niệm buồn chiu nhánh khắp thân em
Đời còn gái được mấy lần hò hẹn
Dĩ vãng còn đau xót làm sao quên!*

Cô làm thơ như thế, đi tu chơi một trận, ắt sớm đắc quả A Na Hàm hơn cô Thúy Kiều.

Tại hạ nhân tiện chép tặng cô một câu kinh: “Như thị đại nguyện, thế giới vô tận, chúng sinh vô tận, nghiệp cập phiên nào nhứt thiết vô tận, ngã nguyện vô tận”.

Hồ Xuân Dzếnh

Tôi thêm chữ Xuân vào tên ông, ấy chẳng phải là hoàn toàn làm điều phi lý. Chính ông đã có tập thơ *Hoa Xuân Đất Việt*. Tôi không thể tự ban thêm cho mình một tiếng xuân vào trong tên tuổi. Nhưng riêng biệt với Hồ Dzếnh, chúng ta được quyền gọi ông là Hồ Xuân Dzếnh. Chính ông cũng đã ngang nhiên tuyên bố:

*Ý thiêng người thiếu ta thừa
Nghìn kho ân lộc trăm mùa mạnh xuân*

Một loại xuân kỳ lạ cứ về kêu gào làm nứt rạn những vần lục bát của ông. Nứt rạn không phải là vỡ toang. Nứt rạn là cái vùng ẩn mật để cho mọi thứ mùa xuân có chỗ len lẩn đi về trong một mùa xuân. Chất thơ xuân của ông từ đó mang tính chất hàm hỗn bát ngát. Xuân vui mà nghe

như buồn. Xuân buồn mà nghe như vui.

*Ý thiêng choán hết linh hồn
Còn đâu gió nhớ cung hồn buồn mà ca*

Ông vừa dứt câu, quyết liệt như thế, thì mọi người bỗng nhiên tê lạnh cả máu me, vì biết rằng cái cung buồn kỳ ảo đang lù lù thị hiện trong câu thơ đòi xóa sạch cung vui. Và quả thật người ta không lầm. Trong *Hoa Xuân Đất Việt* bốn câu này vẫn nằm sừng sững đó:

*Ngoài kia niên thiếu ca xuân mới
Trong lũy tre xanh đời vẫn buồn
Ai biết để lòng yêu một buổi
Bay về thăm viếng mái cô thôn*

Bài “Mái Lều Tranh” ghi lại hình ảnh đối kháng nhau ; đi sát bên nhau, vẫn không làm sao hòa vào nhau cho được. Hai hình ảnh thăm thẳm riêng biệt trong lịch sử người ta:

*Mẹ tôi sống lặng trong làng nhỏ
Đâu biết thời gian đổi mới rồi
Lòng vẫn đau buồn thiên vạn cổ
Nào hay Non nước hãy reo vui*

Cái tiếng “hãy” đơn sơ kia lại đang làm nứt rạn câu thơ một lần nữa. Cung như tiếng “đâu biết, đổi mới rồi”. Còn tê buốt hơn tiếng “Đau buồn thiên vạn cổ”.

*Vú mẹ đã khô nguồn sữa cũ
Tình con còn lại bấy nhiêu thôi
 (“Trang sách xưa”)*

Trở lại với *Quê Ngoại*, chép bài “Phong Châu”:

*Giếng vàng ánh ngọc nghìn xưa
Giở trang sách cũ hương thừa còn bay
Mà sao người đó ta đây
Tình duyên phảng phất như ngày đã xa
Người về ta mới nhớ ra
Yêu là thế ấy mơ là thế thôi.*

Đinh Hùng

Con người nguyên thủy, ta không thể rõ tâm tình họ như thế nào. Đứng trước những quyền lực thiên nhiên, những bão giông sấm chớp, nhìn lại phận thân mình, họ khủng khiếp kinh hoàng, hay là hồn nhiên chấp thuận? Nhìn xác đồng loại bị rắn độc cắn, hoặc bị cọp beo vồ nát, họ rú lên nhưng âm thanh hãi hùng như thế nào, ta không hình dung nổi. Nhưng đêm đông mưa bão rét buốt, ẩn thân trong những hang đá lạnh lẽo, họ suy gẫm những gì về kiếp sống phù du của mình? Họ không được che chở trước trời đất. Đời sống vật chất cũng như tinh thần, đều hoàn toàn phó thác cho hiểm họa diêu mang. Không một đức lý, triết lý nhân sinh vũ trụ nào che chở

linh hồn họ. Không một thánh hiền nào thiết lập một Hình Nhi Hạ để họ chui vào nằm yên ổn giữa cương thường.

Ngày nay, con người có được nhiều chốn “nương tựa”. Rượu đế, la de, cà phê, khiêu vũ, xi nê... Nếu những thứ đó không còn chỉ cảm dỗ nữa, thì còn người chạy đi đào sâu những hang hố siêu hình, tôn thể, hết đào hang xuống tận ruột rà trái đất, lại đào hang lên khắp cõi thanh thiên. Hoặc chạy ra đại hải đuổi theo con cá vô hình của trùng khơi. Hoặc chạy vào sa mạc, đuổi theo con chim vô dạng của hư vô. Rồi vẽ vờ bao nhiêu luyện tiếc, chờ mong, hoài vọng, thiên hình vạn trạng để che lấp khoảng trống vắng di thường của phù sinh hư huyền. Rốt cuộc vẫn đối diện với cái khối lù lù bất khả tư nghị do Tử Thần dựng lên ở giữa đường. Cái khối dị dạng nọ quả thật gay gắt khôn hàn. Xua đuổi nó không được. Trừ khử nó không tan. Thôi đành ôm chầm lấy nó ve vuốt mà bảo rằng: - Tử Thần ôi! Em chính là lẽ sống của ta. Ta sống bao nhiêu tuổi nguyệt lao đao lận đận, là chỉ cốt để thành tựu đời mình trong cái Chết Thơ Ngây Man Mác. Ta ôm lấy em và cảm thấy ấm cúng vô song. - Tử Thần ạ, lại gần đây đối mặt! Trao bàn tay cho ta nắm bên miền...

Đó là một lối tự dối mình vậy. Tô son phết phấn vào khuôn mặt Tử Thần, kể cũng dà thiếu não lòng người bấy nay. Mà kể ra, suốt bình sinh, con người ta đeo bám vào những thứ gọi là văn minh tiến bộ, gây dựng nên những thứ gọi là công nghiệp lưu tồn, chẳng qua cũng chỉ là một cách tự dối mình đấy thôi.

Đình Hùng *Mê Hồn Ca* muốn nhảy vọt một trận, trút bỏ hết mọi thứ “quà” của văn minh gạt gẫm, đi giữa thế kỷ hai mươi, ông muốn sống lại tâm tình người nguyên thủy về đối diện với xã hội văn minh. Ông muốn khước từ hết mọi thứ xây dựng êm ấm của xã hội văn minh, muốn trơn trụi gào kêu giữa lạnh lùng vạn vật.

*Chúng ta khóc như một bầy thú dữ
Lòng đã man nghe trái đất tan tành*

Trái đất chưa tan tành, nhưng liên miên như đang tan tành, vì kể từ nguyên thủy, linh hồn con người và thể xác con người đã nối đuôi nhau tan tành giữa vạn vật. Và mọi cuộc xây dựng chân chính nào của con người, rốt cuộc vẫn như oái ăm góp phần thêm vào mọi thứ tàn phá ở mọi bình diện.

Người thi sỹ thâm cảm sự tình éo le đó trong tuổi xuân xanh, và nổi phần nộ không sao giập tắt được. Không còn tìm đâu ra con đường “phục vụ”. Mọi cố gắng giữa nhân gian, dường như phó thác hết cho điều mang hỗn độn “giữa chợ đời vất vưởng bóng sâu nhân...” Thì văn minh, thì đức lý, thì thì thì? Phân biệt thì phi, hư thực thế nào? – “phù dung bên phù thể, cõi nào thực cõi tiêu tao? Hồng phần lẫn hồng trần, đâu đã vì đâu ô trọc?”

Thì tiếng gào thét của con người nguyên thủy trở thành tuyệt đối trắng trợn đã man cho vừa tầm điều mang của cõi đời hỗn độn:

*Ta lão đảo vùng đứng lên cười ngất
Ghì chặt nằng cho chết giữa mê ly
Rồi dày xéo lên sông núi đô kỳ
Bên thành quách ta ra tay tàn phá
Giữa hoang loạn của lâu đài đình tạ
Ta thản nhiên đi trở lại núi rừng
Một mặt trời đẫm máu xuống sau lưng*

Nhưng chỉ có thể thét lời ấy trong thơ, và thét một lần. Rồi ân hận tới. Trong cơn đoạn trường, vì “bạo chúa” kia đã nằm thêm thiếp khóc. Vì cuộc tàn phá kia, chẳng giải tỏa được gì. “- *Giết đi*

hồn nguyệt hoa chiều? Giết đi cả dáng diễm kiều của xuân?” Tàn phá trong tưởng tượng xong một trận, lại tha thiết nguyện cầu cho người lãng.

*Đi vào mộng những Sơn Thần yên ngủ
Em! kìa em! đừng gọi thức hư không
Hãy quỳ xuống đọc bài kinh ái mộ
Hồn ta đây thành tượng giữa Vô Cùng*

Toàn tập *Mê Hồn Ca*, văng lên một tiếng hét và một lời than. Tiếng hét của bạo động, của phản kháng, và lời than của ân hận nguyện cầu. Tiếng hét đạt tới chỗ cuồng loạn thống thiết nhất. Lời than cũng thâm sâu xa nhất.

Tiếng hét và lời than trầm thống của Đinh Hùng “*Sầu trong tà dục, vui ngoài hiện tâm*” dội lên song song với Hàn Mặc Tử, mở ra cuốn sổ đoạn trường của con người thế kỷ hai mươi, không còn nơi cu trú. Cuốn sổ đoạn trường mở ra như thế để làm gì? Không biết. Không biết. Nhưng cuộc mở ra nào cũng đi tới một trận khép lại.

Đinh Hùng trong *Đường Vào Tình Sử*, vốn đã có một lối khép lại của riêng ông sau cái trận *Mê Hồn Ca*, một lối “*dùng độc được thử lòng thế tục*”. Chúng ta còn có nhiều lối “tĩnh hạp” khác. Xin để tùy mỗi người tìm lối riêng của mình.

Ngôn ngữ thơ trong vài thế kỷ này đã nẩy nở xum xuê, thiên hình vạn trạng. Hoặc ẩn mật thần bí, hoặc đơn giản như một lời ca dao, thì ca vẫn có sức đưa dẫn người ta vào giữa huyền nhiệm của cuộc sống. Cuộc sống vừa khủng khiếp vừa nên thơ, cuộc sống không thể nào đem ra lý luận một cách máy móc. Luận lý học đã gặt gẫm người ta, người ta thì đua nhau tán dóc. Thằng thi sỹ không thể nào nhảy vào vòng luận lý đủ đởn để hơn thua. Nó cảm thấy chán chường khi phải cùng người luận lý bàn luận thị phi. Tha hồ để cho bọn họ mặc sức tán hươu tán vượn, ngấm ngấm dùng mọi thủ đoạn để sát hại thi ca và thằng thi sỹ.

Nhưng thằng thi sỹ có tội lỗi gì đâu. Nó chỉ ghi lại một đường trăng tê dại, vẽ lại một màu tuyết lạnh, ngắt một chùm bông ở trên núi chiêm bao đem về làm tặng vật cho con người được rồ dại chịu chơi giữa chốn phù vân hoặc bụi hồng lông lốc. Mở ra những cuộc tình yêu ròn rợn vô thủy vô chung, o bế những cơn mơ tuyệt vọng, thì kể cũng hơn o bằng hôn hít mãi những con vợ già cục mịch cần nhần. Đêm tân hôn chỉ có một lần, buổi ly dị cũng chỉ ra tòa một bận, uống rượu ly bì cũng tới lúc tỉnh ra, chém giết nhau cũng mất công đào huyết... Chi bằng vớ lấy bài ca mê hồn, thì lúc nào cũng có thể mở trận đảo tứ diện tam, ngang tầm với tứ khuynh ngũ phúc của cuộc thế dâu biển ngục tù. Tuyệt vọng? Thì thà rằng tuyệt vọng với những Kỳ Nữ Chiêm Bao, những Nữ Chúa Thái Cổ, những màu mắt nâu vô ngần của Gái Hải Đảo sơ khai, cũng hơn là tuyệt vọng vì những thiếu phụ đầy đà ngồi trước quầy hàng đếm những đồng tiền dị dạng... Một tay đếm tiền, một tay gãi vào chùm lông nách... thì như vậy còn chi là khói trầm bén giấc mơ tiên? Còn chi là băng khuôn giải qua miền quạnh hiu? Ôi ông Hồ Dzếnh!

*Thơ về nắng sáng lưng lay
Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra
Cõi trần vắng tiếng Thiên Nga
Thơ không tuổi, ý không già: muôn năm
Gối lên Bắc Đẩu ta nằm
Nghe rung chân lạ, thơ thần mười phương.
(Hoa Xuân Đất Việt)*

Vũ Hoàng Chương

*Đá đầu lên tiếng thay vàng
Gỗ đầu mở mắt hai hàng bạch dương.*

Nhiều người đã nói tới ông Vũ Hoàng Chương. Tại hạ còn biết nói thêm được lời gì bây giờ

Hàn Mạc Tử

*Thưa, tôi không dám si mê
Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyến
Bây giờ tôi dại tôi điên
Chấp tay tôi lạy cả miền không gian*

Ông nói lời như thế mặc nhiên xóa sạch hết mọi nguồn thơ thế gian. Còn ai có thể làm thơ được nữa.

*Thưa, tôi không dám si mê
Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyến
Bây giờ tôi dại tôi điên
Chấp tay tôi lạy cả miền không gian*

Tôi lạy cả miền không gian? Hãy để yên cho tôi điên tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có bàn đến thơ tôi. Tôi không dám si mê, cũng không dám hoài vọng. Một mai tôi chết. Nghĩa là bây giờ tôi không còn sống. Tôi sống trong cơn dại cơn điên. Tôi làm thơ trong cơn điên cơn dại. Nghĩa là tôi chết hai ba lần trong trận sống. Tôi lạy cả miền không gian đừng có bắt tôi chết thêm một trận thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật...

Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyến

Còn bây giờ không có ngọc tuyến đâu để tôi đến một bên tôi chết.

*Bây giờ tôi dại tôi điên
Chấp tay tôi lạy cả miền không gian*

Người yêu đừng bén mảng tới. Bạn bè hãy đi xa. Để tôi một mình tha hồ tôi điên tôi dại. Ai có đến gần thì hãy thử điên dại như tôi.

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu
Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ*

Ông xua đuổi người đi vì ông không thể kêu gào người ở lại. Bởi vì nếu người ở lại, thì ông sẽ giết chết mất người. Ông giết chết mất người vì ông không thể dắm cho vỡ toang vũ trụ.

*Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khối lòng tôi cứng tợ si?*

Nhưng vì sao ông muốn mặt nhật tan thành máu? Tan thành máu để cùng nhân gian chìm ngập trong đoạn trường? Mặt nhật chưa tan thành máu, thì chỉ riêng con người chịu đau khổ mà thôi. Hàng triệu triệu con người bị chìm trong máu. Trong oan nghiệt không cùng. Hàng triệu con người cũng đang cầu nguyện cho lòng mình cứng tợ si.

Cả thế giới này đang cùng Hàn Mạc Tử chia một thảm họa.

Em cố nghĩ ra một chiều vàng úa

Ngày nay người ta không cần cố gắng cũng thấy rõ sờ sờ một chiều vàng úa kia.

*Em cố nghĩ ra một chiều vàng úa
Lá trên cành héo hắt gió ngừng ru
Một khối tình nức nở giữa âm u
Một hồn đau rã lần theo hương khói
Một bài thơ cháy tan trong nắng dọi
Một lời run hoi hóp giữa không trung
Cả niềm yêu ý nhớ cả một vùng
Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn*

Hàn Mạc Tử biết rằng trừ ông ra, ngàn thế kỷ sau không còn ai có thể nói tới tận cùng thảm họa nhân gian. Nên ông phải dốc hết tim phổi nói một lần. Đó cũng là lời cầu nguyện cho nhân gian. Lời cầu nguyện sẽ phát khởi từ thảm họa dâng lên tới trời xanh. Lời cầu nguyện vang dội song song với lời nguyện rửa, vì có lẽ đó là chỗ bất khả tư nghị của từ tâm. Chúng ta có thể đọc ẩn ngữ kia trong mấy câu:

*Ánh trăng mỏng quá không che nổi
Những vẻ xanh xao của mặt hồ
Những nét buồn buồn tơ liễu rũ
Những lời năn nỉ của hư vô...*

Ánh trăng mỏng quá không che nổi, thì lời năn nỉ của hư vô đã khiến Hàn Mạc Tử dốc hết bờ đề tâm của mình ra trong tiếng gào thét hỗn độn của Caligula...

Hồ Dzếnh

Bài “Giang Tây”, và bài “Phút Linh Cầu” khiến tôi bái hoải tay chân. Không còn can đảm đọc thơ Nguyễn Du Cận Hàn Mạc Tử Nguyễn Bính gì được nữa. Hồ Dzếnh cũng không thể nào làm thơ tiếp được nữa.

Gauguin bỏ chạy trốn Âu Châu, tìm tới một hải đảo vô biên vô tế, suốt bình sinh ngồi vẽ lại màu mắt gái trùng khơi trong những buổi hoàng hôn đại hải, ấy cũng là một lối đi tìm cái dư vang nào trong thơ Hồ Dzếnh.

Biển chiều vang tiếng nhân ngư

*Non xanh thao thiết trời thu rượu sầu
Nhớ thương bạc nửa mái đầu
Lòng nương quán khách nghe màu tà huân*

Thơ

Thơ là cái gì không thể bàn tới, không thể dịch, diễn gì được. Người ta có thể diễn tả một trận mưa rào bằng lời thơ. Thì có lẽ muốn diễn tả một bài thơ, người ta chỉ có thể phát động một trận mưa rào, hoặc một cơn gió thu. Mà muốn thực hiện sự đó, thì ngoài việc làm thơ ra, còn người không còn phép gì khác. Thế có nghĩa là: muốn bàn tới một bài thơ, diễn dịch thơ, người ta chỉ có thể làm một bài thơ khác.

Người xưa am hiểu sự đó, nên họ chỉ vịnh thơ, chứ không bao giờ diên rờ gì mà luận bàn về thơ. Người đời này trái lại. Họ buộc phải luận thơ cho có mạch lạc luận lý, không được “bốc đồng” (!) vịnh lãng nhãng. Cái chỗ ngu sy đó là điều bất khả tư nghị vậy.

Sự ngu sy đã tràn lan khắp chốn, thì kẻ hiểu thơ đành phải tuân theo khắp chốn để mở trận ngu sy.

Từ đó nảy ra không biết bao nhiêu trận luận về thơ theo lối bửa củi, dịch thơ theo lối gặm xương gà (gặm được chút da, nhưng không hút được cái tủy).

Muốn hút được chút tủy, đành phải liều nhắm mắt cắn mạnh một cái. Cắn mạnh một cái, thì gãy mất hai cái răng. Thì còn bù vào đâu mà hút tủy được nữa. Kể đã thiếu não lòng người bấy nay.

Ông Crayssac dịch *Kiều*, ông có hút được nhiều chút tủy, và đã chịu gãy bao nhiêu cái răng của ngôn ngữ Pháp. Sau đây là một thí dụ của hút tủy và gãy răng.

*Sinh rằng lân lý ra vào
Gần đây nào phải người nào xa xôi
Được rày nhờ chút thơm rơi
Kể đã thiếu não lòng người bấy nay
Bấy lâu mới được một ngày
Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là*

Cái chất tủy trong thơ Nguyễn Du là: dừng chân gạn chút, được rày nhờ chút, người nào xa xôi, gần đây nào phải, lân lý ra vào, kể đã thiếu não, bấy lâu mới được, lòng người bấy nay, mới được một ngày, dừng chân gạn chút... vân vân.

Hãy xem Crayssac dịch:

*Et le jeune homme alors à Thuy Kiéou répondit:
"Je suis votre voisin; j'habite près d'ici...
Ne voyez pas en moi quelque étranger, ma chère
Arrivant, impromptu, d'une lointaine terre...
Grâce à cet incident, j'ai respiré, très doux,
Quelque peu du parfum qui rayonne de vous,
Mais, hélas! de combien et de combien d'angoisses
Mon coeur dut-il subir les étreintes tenaces,
Et combien dut attendre, ô Ciel, mon triste amour
Avant de recevoir l'ivresse de ce jour!
De grâce, arrêtez-vous; que je puisse, de suite,
Montrer les sentiments intimes qui m'agitent..."*

Ông dịch thơ Việt ra thơ Pháp như thế, kể còn trúng cách điệu hơn người Âu Châu dịch thơ người Âu Châu.

Henri Michaux có bốn câu vịnh “Băng Sơn” (Icebergs) đơn sơ bát ngát, mà bản dịch ra Đức ngữ đã chịu gãy mấy cái răng?

*Icebergs, Icebergs, dos du Nord-Atlantique, augustes Boudhas,
Gelés sur des mers incontinentées,
Phares scintillants de la Mort
Sans issue, le cri éperdu du silence dure de siècles*

Bản dịch:

*Eisberge, Eisberge, Rücken des Nord-Atlantik, großartige
Gefrorene Buddhas auf den unruhigen Meeren.
Blitzende Leuchtfeuer des Todes ohne Ende wilder
Schrei des zähen Schweigens der Jahrhunderte.*

Tiếng *incontemplé* (vô quan chiêm) lại dịch ra làm bất an, dao động... *Le cri éperdu du Silence dure des siècles*, trong bản dịch biến ra làm: *le cri sauvage du dur silence des siècles*.

Thế là nghĩa lý gì? Không biết. Không biết.

Duy có điều: dù sai lệch bao nhiêu chẳng nữa, thì tinh thể ngôn ngữ Âu Châu vẫn nhiều điểm tương đồng, khiến dịch giả không đến nỗi phải chịu phạt gãy răng lang bối bất kham.

Trái lại, giữa ngôn ngữ Âu Châu và ngôn ngữ Á Đông, có quá nhiều hang hố. Và những kẻ tự phụ cho mình đạt, công kích kẻ khác dịch là diệt, những kẻ đó hãy thư thả gặm lại xem. Nếu những kẻ đó chịu bỏ ra vài chục năm suy gẫm vấn đề, ắt chẳng còn bao giờ dám tự phụ nữa.

Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử

Trang Tử vốn thường dùng phép ngu ngôn. Vậy thì cái việc Trang Tử nói về sự vụ Khổng Tử tìm tới Lão Tử để “vấn Lễ”, sự đó thật là có hay là không có?

Nếu không có, mà Trang Tử dựng lên làm có, thì ý Trang Tử muốn gì? Trang Tử thật có ý muốn dìu Khổng Tử, hay đó chỉ là một phép lập ngôn cường bức của ông để đẩy lùi bọn nho hương nguyện? Lời đáp hiển thị một cách quá hiển nhiên.

Còn nếu sự vụ vấn lễ kia quả là có thật, thì ta nghĩ sao về Khổng Tử? Nếu quả thật ngài có nói với môn đệ rằng “con chim thì ta biết nó bay, con cá thì ta biết nó lội, còn con rồng thì ta chẳng thể rõ nó lội lúc nào, nó bay lúc nào. Ta nay gặp Lão Tử như thấy rồng vậy”.

Nếu quả thật ngài trở về với môn đệ như thế, thì chúng ta nghĩ sao? Lời đáp cũng lại quá hiển nhiên.

Đừng nói chi tới Lão Tử là một bậc đại hiền (mà Khổng Tử biết rằng bọn môn đệ mình không đứa nào bì kịp), ngay đối với những nhân vật thường thường mà có được vài đức tính, ngài

cũng không tiếc lời khen ngợi.

Vào thái miếu, việc gì sự gì ngài cũng hỏi. (*Tử nhập thái miếu, mỗi sự vấn...*) Ấy chẳng phải là vì không hiểu mà hỏi, ấy chỉ vì - thị Lễ già.

Cái lời đơn sơ “vô khả, vô bất khả” của ngài, còn bàng bạc bao trùm hết mọi tư tưởng Trung Hoa – nó cho phép Lão Tử đưa cái đạo vô tri ra đời, nó cũng lại mở đường cho Trang Tử được phép cà gậy đủ đởn với lối lập ngôn “triêu tam nhi mộ tứ, triệu tứ nhi mộ tam”.

Đọc lại Khổng Tử, Trang Tử, Lão Tử, ta còn nhận ra một điều dị thường bất khả tư nghị này: Trang Tử cà gậy, nhưng Trang Tử quán xuyên cái lẽ đương nhiên, và cái lẽ sở dĩ nhiên nào đã quyết định cái đạo của Khổng Tử. Trái lại Lão Tử có thể là đại hiền, nhưng không phải đại thánh hoặc thượng trí, thái tiên. Có thể rằng Lão Tử còn chấp trước. Có thể rằng Lão Tử còn khư khư bo bo với cái đạo vô vi của ngài. Có thể rằng ngài không rõ cái “sở dĩ nhiên” nào đã quyết định Khổng học. Có thể rằng Lão Tử không ngờ gì hết, không đủ tế mật để nghe ra cái lời đàm nhien của Khổng: “thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an. Nhân yên sự tai, nhân yên sự tai!”

Ngôn ngữ Lão Tử có tính cách bộc trực, cực đoan, một chiều. Trang Tử đã lợi dụng Lão Tử để tấn công môn đệ Khổng Học, nhưng trong thâm tâm, Trang Tử có thể xem thường Lão Tử, mà kính phục Khổng Tử một cách không bền không bờ.

Trang Tử lập ngôn luôn luôn theo thể thái song trùng nhị bội, ông chừa những khoảng trống, những khe hở miên man, để cho cái duplicité de l'Être (tính chất nhị bội của Tồn lưu) có thể luôn luôn thông dong còn cơ hội đi về. Đó là điều thiếu hẳn trong ngôn ngữ Lão Tử... (Thật ư? Không hẳn...)

Trang Tử gần Khổng Tử trong lối lập ngôn song trùng nhị bội. Nhưng khác Khổng Tử ở điểm Khổng Tử đàm nhien, ẩn mật, hoảng đại bao dong; Trang Tử du côn ăn nói toe toét, có pha chất quỷ quyet.

Những thiên tài tư tưởng hiện đại của Trung Hoa, ngày nay lao mình vào cuộc viết truyện vũ hiệp, bỏ lại trận đồ triết học cho bọn học giả ru rú. Bàn luận thi phi với bọn học giả đó, người tư tưởng cảm thấy chán chường. Đó có lẽ là nguyên do sâu xa đã khiến tư tưởng Trung Hoa chìm đắm mấy ngàn năm. – Khổng Tử ngày xưa cũng đã thâm cảm sự đó. “*Bất đắc trung hành nhi dĩ chi, tất dã cuồng quyền hồ! Cuồng giả tiến thủ; quyền giả hữu sở bất vi dã*”.

(Ta chẳng được hạng người theo đúng đạo trung để truyền đạo, ắt hẳn phải tìm đến bọn cuồng, bọn quyền vậy! Bọn cuồng có chí tiến thủ, bọn quyền có điều chẳng chịu làm).

Người Trung Hoa ngày nay chỉ có thể bắt đầu học tập tư tưởng là khi họ dám thử liều bước suy nghĩ rằng: đối với Khổng Tử quá cao viễn, tìm không được bọn người trung hành, thì thà ngài tìm đến bọn người cuồng – là Trang Tử, tìm đến bọn người quyền – là Lão Tử.

Người Trung Hoa hãy nên gột rửa sạch sẽ tinh thần mình, trừ khử khỏi đầu óc mình cái ý tưởng bo bo đem xếp Trang Tử, Lão Tử ngang hàng với Khổng Tử, rồi lắng nhăng sun soe mãi với những tiếng tam đạo, tam giáo, tam lý, tam ngu, tam hiền, tam thánh, v.v...

Xuân Diệu

*Trưa hôm nay con ngồi như trẻ nhỏ
Giữa đáy trưa trong lòng mẹ vô cùng*

*Con là sáo, Mẹ là ngàn vạn gió
Mẹ là trời, con là hạt sương rung
Sương uống mãi chẳng bao giờ hết sáng
Của trời cao chói lọi mỗi chiều ngày
Sáo ca mãi, lòng mẹ run choáng vằng
Gió vẫn đầy ngàn nội bốn phương bay
("Mẹ Việt Nam")*

Thơ Xuân Diệu thường có chất bát ngát hồn nhiên như thế. Tây Phương Đông Phương cổ kim không có nguồn thơ nào sánh kịp. Chúng ta quen thói chạy theo đuôi phong trào sùng phụng những Nerval, Hoelderlin, Rilke, Đỗ Phủ, Thôi Hiệu, Tagore, chúng ta không còn cách gì ngờ ra rằng nguồn thơ Xuân Diệu có thể bao la hơn bất cứ một nguồn thơ thi sỹ nào. Việt Nam đã có một Nguyễn Du đi khắp cung bậc đoạn trường gay gắt, về sau có một Huy Cận tiếp hậu ngâm ngùi, một Phạm Hài cô tịch, một Nguyễn Bính man mác ca dao. Thử hỏi: chúng ta còn cần chi tới bất cứ một nguồn thơ Tây Phương nào? Dù là Nerval hay Rilke, dù là Whitman hay Henri Michaux?

Chúng ta cần Xuân Diệu. Cần một vài vần lục bát của Hồ Dzếnh. Chúng ta đứng xa xa, nguyện cầu cho Hàn Mặc Tử, Chúng ta phải để cho thơ Xuân Diệu rúc vào tủy xương mình. Vì y đủ thói bông lông thăm thiết của con người thương đạt. Y trẻ đại, y lãng nhãng, y nói tới nỗi đời rồi y xóa đa đoan dâu biển. Y hồn nhiên giữ áo, nắm lấy cung cầm Tăng Điền đánh lên giữa mùa Xuân...

*Có một suối thơ chảy từ gần gũi
Ra xa xôi và chảy đến gần quanh
Một suối thơ lá ngọt với hoa lành
Nói trong xóm và rộn cười dưới phố
Nguồn thơ mới tuôn ra từ vũ trụ
Có lẽ là hơi là gió cũng nên...
("Suối")*

"Thiên hạ xuôi xuôi ngược ngược, khênh khặng kền càng, còn ta, ta hồn hồn ngạc ngạc ca hát như trẻ thơ... Hãy để cho trẻ thơ tới bên ta... Chim chóc tới bên ta... Các người hãy gột rửa cái thói học đòi bác học đi. Các người hãy mù lòa đi, và các người sẽ không còn tội lỗi..."

Chân nhân đời xưa nói gì? Nói rằng: các người đừng dùng thủ đoạn, đừng lợi dụng những ông Nietzsche để sát hại trẻ con. Thảm họa của Nietzsche không phải là ở chỗ bị công kích, cũng không phải bị mấy ông linh mục lên án. Thảm họa của Nietzsche là ở chỗ: bị bọn hãnh tiến lôi về phe cánh mình để tiện bề gây rối loạn.

Nguyễn Bính

*Mẹ cha thì nhớ thương mình
Mình đi thương nhớ người tình xa xôi*

Đó cũng là tâm sự Đức Khổng Phu Tử vậy. Quê hương nước Lỗ thì nhớ ông. Mà ông thì cứ giữ áo ra đi lang thang chu du lữ thứ tìm kiếm khắp nước Tàu cái vong hồn tồn lưu nào chẳng rõ. Rồi san định bao nhiêu cuốn kinh, ghi chép cái ngắn tích phiêu bồng đã trôi tuột từ bao...

Huy Cận, Xuân Diệu

Huy Cận đi từ Lửa Thiêng tới Hội Hoa Đăng, Tặng Em Mười Sáu, tức là ông đi cái bước tối hậu, tại bách xích can đầu. Cũng như Nguyễn Du đã dẫn cung cầm bạc mệnh Thúy Kiều tới giai đoạn “đầm ảm dương hòa”. Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy? Xuân Diệu già trước tuổi, nên ngay từ đầu, ông đã xóa tiếng đoạn trường bạc mệnh bằng cái thể điệu ngậm ngẫm niềm hoa vi tiếu bằng bạc trong thơ ông. Già trước tuổi? Nghĩa là phản lão hoàn đồng? Nghĩa là quá già nên hóa ra trẻ nít trở lại? Quá già kể từ đâu? Kể từ cội Nguyễn Du vậy. Kẻ nào chưa hiểu rõ chỗ tận cùng tàn sơn thặng thủy trong cung bạc Nguyễn Du, kẻ đó không thể nào hiểu Huy Cận Xuân Diệu đã vì đâu mà già, do đâu mà trẻ.

(Xét lại xem Shakespeare đã đánh cung bậc nhị bội như thế nào kể từ Hamlet Macbeth Othello sang những vở hài kịch bát ngát của ông. Xét lại Sophocle: bên bi kịch Oedipe, còn có vở kịch Philoctète)

Nguyễn Du

*Bấy giờ ai lại biết ai
Dù lòng biển rộng sông dài thênh thênh*

Câu thơ hàm hồn bát ngát dị thường đó, mọi bản dịch đều dịch một chiều. Không ai ngờ gì cả về cội lập ngôn tung bạt ráo riết của Nguyễn Du niềm hoa vi tiếu.

Phương Tâm

Thơ bà Phương Tâm mang nhiều màu sắc hải ngoại.

Mặt biển

*Mặt biển xanh
Con tàu trắng
Con chim biển
Ồi
Con
Chim
Biển*

Người bạn

*Người bạn chết rồi
Một hôm rá khơi
Xả xôi nhỏ bé*

Nhỏ bé
Xa
Xôi
Mùa xuân đã rụng mất rồi

Con cá

Con cá hôm qua ấy
Gặp con cá hôm nay
Hôm qua ấy hôm nay
Hôm nay ấy chính hôm qua
Kể từ cuống ruột tới rà
Kéo lê lếch giữa mù sa biển vàng
Con cá hôm nào thế
Một hôm con cá đi về
Từ khơi biển mặn cát đè lên tim
Từ trùng dương rộng đi tìm
Hội kim châu rụng trong miền phù du

Thích Thiên Thụ

Nguồn thơ vị sư này chảy về từ cội uyên nguyên Phật Giáo tràn ngập vào lục bát Việt Nam, trở thành một dòng riêng biệt bát ngát.

Đọc thơ ông và nghe ông ngâm thơ, tưởng chừng như chết lặng mất linh hồn và trùng sinh trong cội khác.

Lời thơ như gột rửa máu me thể phách và vương vấn tâm thần như khói chiêm đàn tỵ về ngưng bích phủ sương mây Lâm Thúy.

Lời thơ giục giã lên đường Thái Hư, lại như thôi thúc yêu đương hoàng hậu Ai Cập. Lại như xóa bỏ mất cung thành để ngồi nghe âm thanh sa mạc. Lại như... Lại như... Lại như... Lại như... Lại như... Lại như... Lại như... Tôi muốn viết luôn một ngàn tiếng lại như để cuối cùng có thể nào biến lại như ra làm như lại và mất dấu nặng để trở thành Như Lai?

Cổ xe mặt trời

Cổ xe phía mặt trời chiều
Một con ngựa xoải về theo mặt trời
Cờ trên ải núi chơi vơi
Đứng buồn muôn dặm xa khơi còn tìm
Xe về dưới núi nằm im
Chim kêu rori rác trên miền đất xa
Nghĩ mình cũng thừa thắng hoa
Chân đi viễn tượng đường xa khói mù
Lá cờ đen vọng muôn thu
Nghìn tâm sự để cho dù biển xanh

Chiều lên thác bạc sương ghềnh
Dưới khe khói núi cũng dầu nhớ nhau
Đá rừng vai tượng thiên thâu
Về em thêm một lần câu tình hoài
Sớm mây phố chợ tên người
Cổ xe gác ngựa nuôi lời lớn khôn

Mù sương trên vai

Trên cao phố lẻ mặt trời
Cây nghiêng hàng dựng rã rời chim bay
Nghe chùng gió cuốn đầu đây
Bãi xa tiếng qua dâng đầy nước sông
Ta về người đi buồn không
Mùa thu hoa trắng cho lòng nhớ em
Con tàu than hú ga thâu
Cây cao loáng lẻ buồn trên hồ cầm
Anh còn bao động thâm tâm
Sương trên Vai tượng buồn cầm nín chiều
Gửi đóa hoa về người yêu
Nhớ em đau đón cho nhiều tầm tay
Anh ngồi qua một đêm nay
Đêm trên hầm rượu với cây kèn đồng

Vào thu

Với dung nhan cỏ hoa này
Chim đi cũng lại từ ngày sang thu
Áo ai mây trắng bên hồ
Nghe như gió cũng gieo mùa phiêu bay
Nghe rừng xao xác trăm cây
Chim nao tiếng rụng bên ngoài nội hoa
Từ em cồn giầy mai hoa
Thơ trăm chữ đọng ý sa giọt buồn
Từ em ngơ ngác mùa sương
Nghiêng nghiêng nắng đổ còn vương ít nhiều
Từ em ngọn bút mai kiêu
Anh mang dáng vóc mây chiều trên vai
Từ em đôi búp tay dài
Mười con chim nhạn bay ngoài cồn trắng
Từ em cài nụ hoa vàng
Từ em suối tóc bên hàng giậu bay

Lạnh mùa chim đi

Xao xác chừ mấy hàng cây
Mà trắng tĩnh mặc bên ngoài hàng hoa
Chim đôi tiếng rụng trong mù
Nghiêng nghiêng cõi núi vi vu gió mùa

Về từ hàng ngon cờ xưa
Mây du đảng nhớ tang Vua nội thành
Nao nao một giọng cầm tranh
Mười hai ải khói trên thành gỗ thơm
Tay em hạc nội mây cồn
Chừ nghe tóc rũ nao hồn gió thu
Cơn mưa đáp bụi bay vù
Còn anh thân lạnh với mùa chim di

Thích Trung Tử

Vị sư này có giọng thơ phóng dật như thơ Đỗ Mục. Người rất điềm tĩnh, ai ngờ đâu thơ lại nồng nàn đắm đuối hơn kẻ si tình.

Xác thân

Xác thân này một cung say
Độ vui này một tháng ngày mộng du
Trí không này một ngục tù
Tóc em này một rừng thu quên về
Chiều lên thú vật lạ lùng
Lửa chân trời đỏ võ tung miên trường
Ta cười cuồng ngất khói sương
Rồi nghe biến động con đường thụ du

Trầm ca

Trầm ca heo hút với rừng
Tiếng lên trầm giọng tắt vừng Thái Hư
Bay rồi sương khói mùa thu
Còn đâu ải bắc lạnh từ dòng chim

Mẫu Thân Phùng Khánh

Nhiều người hỏi tôi có quả thật Phùng Khánh đã có đẻ tôi ra đời chẳng. Bà đẻ ra tôi lúc nào?

Sự thật là Phùng Khánh chẳng hề có đẻ ra tôi một phen nào cả. Tôi nay bốn mươi bốn tuổi đầu. Phùng Khánh chỉ mới hai mươi sáu tuổi. Làm sao một thiếu nữ hai mươi sáu tuổi lại có thể đẻ ra được một ông cụ luống tuổi bốn mươi bốn, bốn mươi lăm? Nếu muốn đẻ ra được tôi, thì ít ra Phùng Khánh cũng phải lớn hơn tôi một vài tuổi mới được. Chẳng thể nào kẻ nhỏ tuổi lại đẻ ra một người lớn tuổi. Như vậy là trái đạo trời. Đạo trời không cho phép một con người mang nặng đẻ đau lúc người ấy chưa ra đời. Trường hợp hy hữu cũng có vài kẻ đẻ đau mang nặng ngay từ thuở sơ sinh. Thì mẹ và con có thể bằng tuổi nhau được lắm. Tuyệt nhiên không thể nào xảy ra trường hợp con lớn hơn tuổi mẹ được

Thế thì bởi đâu Phùng Khánh lại là mẫu thân của tôi, mặc dù bà không đẻ ra tôi? Ấy là bởi vì cái đường tư luận lý học như thế này: Phùng Khánh vốn là bà mẹ Việt Nam. Tôi lại là con dân Việt Nam. Vậy thì tất nhiên Phùng Khánh là mẹ của tôi vậy. Nếu tôi không nhận Phùng Khánh là mẹ, thì chẳng ra tôi là người Lào? Hoặc người Cao Miên? Hoặc con dân Âu Mỹ ư?

Huống nữa là: Phùng Khánh là bà mẹ loài người. Tôi là con người. Vậy Phùng Khánh là mẹ của tôi. Nếu tôi không phải là con của Phùng Khánh, thì chẳng ra tôi chẳng phải con người? Chẳng ra tôi là con vật?

Phân tích nghiêm mật luận lý học ra như thế, rành rành Phùng Khánh là mẹ của tôi.

Huống nữa là: trong cõi mộng mơ chiêm bao tại bình diện thi nhạc phiêu bồng, Phùng Khánh đích nhiên cũng lại là mẹ của tôi nốt. Tôi vốn là Trung Niên Thy Sĩ. Ai đâu có ngờ rằng những bài thơ bất tử tôi làm ra là do Phùng Khánh cả đấy? Mỗi phen tôi mơ màng nghĩ tới dung nhan diễm lệ Phùng Khánh thì giọng thơ bát ngát lại tuôn ra ào ào. Vậy thì hiển nhiên như nhiên thiên tài của tôi là do liên tồn Phùng Khánh đẻ ra vậy.

Tôi suy ngẫm suốt bao nhiêu năm trời, nhận ra sự tình cố kỳ nhiên đó, mới dám mạo muội mạnh bạo gọi Phùng Khánh bằng một tiếng Mẫu Thân. Há đâu dám bốc đồng mà gọi bướng!

Đặng Tấn Tới

Nguồn thơ ông rất đặc biệt. Đọc mấy thi phẩm ông, tôi còn giữ lại một cảm tưởng hiu hắt. Rủi sao, tập thơ ông, tôi bỏ lạc đâu mất, nên không thể dám mạo muội viết nhận định ra đây. Xin một dịp khác.

Trí Hải Ni Cô

Ni cô vừa rời bỏ Vạn Hạnh đi tu tiên ở trên núi. Nguyên nhân là: các vị sư ở Vạn Hạnh chế ni cô đã đẻ ra Bùi Giáng già nua, ni cô bèn lén bèn giấu áo ra đi. Sự tình nông nổi ấy, Thích Minh Châu phải chịu trách nhiệm một phần lớn.

Sách Vũ Hiệp

Mỗi bộ sách Vũ Hiệp dài mấy ngàn trang. Đọc vài ba chục bộ, ắt mòn mỏi mắt môi miệng. Đó là một hiểm họa lớn. Si mê rượu chè còn khá. Si mê sách Vũ Hiệp thì sự tình là bất khả vãn hồi. Mấy năm nay, tại hạ chẳng còn tâm hồn đâu làm văn nghệ hoặc thông dong thưởng thức những thi phẩm mới của những nhà thơ trẻ trung tài tử, ấy chẳng qua vì linh hồn tại hạ toàn thể bị sách Vũ Hiệp xâm chiếm.

Nhiều kẻ làm văn nghệ chuyên môn tỏ mở phè phỡn bảo rằng tại hạ có thái độ cô đơn cách biệt đối với hàng ngũ văn nghệ hôm nay. Nghĩ mà bực cười vỡ bụng! Cô đơn cách biệt cái khỉ khô xơ mốc gì. Ớn ích gì đâu mà cô độc! Bánh bao gì đâu mà đứng riêng một mình đối thoại với hư vô! Thà chui đầu vào tà xiêm Marilyn Monroe nằm ngủ mà liên miên thầm gọi Phùng Khánh mẫu thân, có phải là thơ mộng hơn không!

Ôi mẫu thân ôi! Mẫu Thân nữ nào giấu áo đi tu tiên ở trên ngọn núi quai nhai như thế! Bỏ con ở lại Sài Gòn tắt nghẽn trong từng tiếng kêu than!

Giải thích

Có kẻ hỏi tôi: - Các hạ đọc sách Vũ Hiệp lu bù như thế, tại sao bàn về sách Vũ Hiệp, các hạ lại bàn lai rai, thua xa ông Đỗ Long Vân?

Đáp rằng: - Ấy chính bởi tại hạ đọc lu bù mà ra nông nổi ấy. Đọc lu bù thì đâm ra mù quáng. Cũng tỷ như bọn mê gái lu bù quảng xiên. Mê một gái thì sáng suốt nói về hồng nhan, còn mê trăm ngàn gái, thì tất nhiên điên tam đảo tứ, còn đâu bình tĩnh sáng suốt mà nhận định tổ chất thiên hương?

Cũng tỷ như bọn mê đàn cầm. Nếu chuyên đánh dương cầm thì chỉ nên đánh dương cầm. Trái lại, một tay đánh dương cầm, một tay lại đeo bông vĩ cầm, môi miệng lại đa mang ống tiêu, ống sáo, thì làm sao có thể cung thương lầu bậc ngũ âm?

Cũng tỷ như bọn mê chuồn chuồn. Mê một con đã đủ. Hà tất phải mê hàng ngàn con! Làm sao theo dõi hàng ngàn cánh chuồn chuồn bay khắp không gian thiên thu vạn đại cho được? Ất lâm vào tình trạng Tẩu Hỏa Nhập Ma.

(Tản Đà xưa bị Tẩu Hỏa Nhập Ma, ấy cũng tại ông ham uống rượu quá mức. Uống một lu đã đủ. Hà tất phải uống cho đủ bốn lu?)

Cũng tỷ như bọn ham đánh giặc. Đánh chơi một năm đã đủ, hà tất phải đánh tới hai ba mươi năm!

Cũng tỷ như bọn ham có mẫu thân. Có một Phùng Khánh mẫu thân đã đủ bát ngát lắm rồi. Hà tất phải tham lam có luôn cả Brigitte mẫu thân, Marilyn mẫu thân, Kim Cương Thái Thanh mẫu thân, Nguyễn Thị Hoàng, Nhã Ca mẫu thân.

Cũng tỷ như bọn ham có đồ đệ. Có một thằng đủ rồi. Hà tất phải lộm cộm đa mang như ông Khổng Tử có tới ba ngàn môn đồ như vua nhà Tần có tới ba nghìn cung nữ. Té ra ông Khổng Tử cũng lại là một loại bạo chúa ru.

Lại cũng như ông Nguyễn Du ham có hơn ba trăm năm có kẻ khóc mình. Có một mẫu thân Phùng Khánh cho con bú trong hiện tại đã đủ rồi, và đỡ cho nín bây giờ đã đủ rồi, hà tất phải đỡ con nín khóc ba trăm năm sau.

Ponce Pilate

Ponce Pilate muốn cứu Jésus, nhưng không cứu được. Một mặt đám đông la ó tràn lan. Một mặt Jésus không chịu nói. Hoặc có nói, thì nói lơ lửng đầu đầu.

“Bọn chúng lên án Ngài tùm lum như thế, Ngài nghĩ sao?”

Ponce Pilate cố khơi ý cho Jésus, để ông có thể dựa vào lời đáp của Jésus mà tìm cách biện hộ. Nhưng Jésus không đáp.

Cuối cùng quần bách quá, Ponce Pilate phải sai người lấy roi quất túi bụi cho rách áo quần Jésus, quàng lên đầu Jésus một vòng gai nhọn, dẫn tới trước mặt đám đông bảo: - “Ecce Homo!”

(Đó, là người ấy đó!)

Nghĩa là: người ấy tội lỗi thế nào, chưa rõ, nhưng đã chịu trừng phạt như vậy, thế đã vừa lòng bọn các người chưa?

Người ta có thể hỏi: Nếu quả thật Ponce Pilate có ý ủng hộ Jésus, thì tại sao ông lại bắt chẹt Jésus một cách gay gắt? Lúc Jésus nói “Kẻ nào đi theo chân lý, kẻ đó bước theo ta”, thì Pilate lại chơi khăm hỏi vặn: “Chân lý là gì?”

Ấy mới là chỗ thống thiết. Lời hỏi kia của Pilate biểu hiện nội tâm Pilate lúc bấy giờ. Chân lý là cái gì khó xác định, thì phi là cái gì khó phân biệt, ngài có tội lỗi hay không, tại hạ không thể quyết đoán... Tại hạ lóng cồng. Mà bọn chúng thì cứ la ó nhốn nháo cả lên... Ngài thì im lặng.

Vậy chỉ còn một phương sách dung hòa. Tại hạ xin đấng tội với Ngài vậy. Ngài hãy chịu qua loa một trận đòn, thử xem có giập tắt bớt cơn cuồng nộ của bọn chúng hay không...

“Ecce Homo” từ đó được Nietzsche chọn làm nhan đề một tập sách của mình. Ấy là một cách nêu trở lại ẩn ngữ Phúc Âm.

Đốn tre

“Khó nhất là đốn tre, khó nhì là ve gái.” Người thường dân thường khuyên bảo dạy dỗ con cái như thế. Thấy thằng con sổ sàng ve gái, họ không trực tiếp ngăn ngừa. Họ không nói: “Ve gái khó lắm lắm. Con phải chậm rãi từ từ...”

Họ nói quanh: “Khó nhất là đốn tre, khó nhì là ve gái”.

Lời nói ấy về sau sẽ khiến đứa con suy nghĩ. Nó tự nhủ: Bố bảo khó nhất đốn tre? Nhưng mỗi ngày ta có thể đốn được năm mười gốc tre một cách dễ dàng. Khó nhì là ve gái? Sao suốt mấy tuần lễ nay ta ve con Mận mà nó vẫn đứng đưng chưa có bề nào ngã ngũ?

Từ đó cái câu “khó nhất đốn tre, khó nhì ve gái” đã giúp đứa con thể hội chân lý ngược lại. Ấy là: khó nhất ve gái, khó nhì đốn tre.

Đi vào cõi tư tưởng, chúng ta luôn luôn phải lưu ý tới cái lối ăn nói nghịch lý của người tư tưởng. Họ nói một đường để ta suy ra một ngã.

“Ngựa trắng không phải là ngựa”. Đó là lời Công Tôn Long.

Ông này là nhà tư tưởng Trung Hoa bị đam mê nhiều nhất.

Viết lại Nam Hoa Kinh

Nếu Trang Tử trùng sinh trong thời đại này ắt ông sẽ viết *Nam Hoa Kinh* như sau:

1. Nhe răng cười trong bóng tối, ấy là đạo vậy.
2. Không bao giờ bắt chuẩn chuẩn mà cứ bảo rằng mình luôn luôn bắt chuẩn chuẩn, ấy là đạo vậy.
3. Ngồi làm quan ở triều Nguyễn mà tự xưng mình là Nam Hải Điều Đồ, ấy là đạo vậy.
4. Leo lên máy bay đi ra giữa biển Thái Bình Dương thả bom xuống cho bọt sóng tung lên chơi, ấy là đạo vậy.
5. Không thiết chi đọc sách, mà vẫn cặm cụi đọc hoài, ấy là đạo vậy.
6. Đi ngắm phong cảnh Bà Rịa và bảo rằng đây là phong cảnh Thừa Thiên, ấy là đạo vậy.

7. Suốt năm khắc khoải loay hoay mà tự cho mình thanh thoát phiêu bổng, ấy là đạo vậy.
8. Gọi Phùng Khánh bằng mẫu thân, ấy là đạo vậy.
9. Chiêm bao thấy Nam Phương Hoàng Hậu tỉnh dậy làm thơ tặng Gái Núi, ấy là đạo vậy.
10. Trong lòng khâm phục Khổng Tử mà mở miệng ra là công kích ông ta, ấy là đạo vậy.
11. Sống ngược hẳn giáo lý ông Khổng, mà cứ ca ngợi ông ta mãi, ấy là đạo vậy.
12. Thích Minh Châu không hề tương tự Thúy Kiều, mà cứ bảo bừa rằng ông ấy tương tự Thúy Kiều, ấy là đạo vậy.
13. Chán chương thi ca, mà cứ làm thơ hoài, ấy là đạo vậy.
14. Đêm tối ở trần gian đau đớn vô cùng mà vẫn bảo rằng trần gian lộng lẫy, ấy là đạo vậy.
15. Thấy người da trắng cũng đẹp bằng người da đen, ấy là đạo vậy.
16. Thấy đạo lù lù hiện ra khắp nơi, thì bảo rằng đạo rất mực vô hình vô ảnh, ấy là đạo vậy.
17. Đọc xong một bộ tiểu thuyết Vũ Hiệp, bỏ ăn năm ngày, ấy là đạo vậy.
18. Bỏ ăn năm ngày, lại bảo rằng bỏ ăn năm ngày rươi, ấy là đạo vậy.
19. Không bỏ ăn, mà bảo có bỏ ăn, ấy là đạo vậy.
20. Viết cuốn *Tân Thanh*, chuốc sầu vạn đại thì bảo rằng mua vui cũng được một vài trống canh, ấy là đạo vậy.

Tư Tưởng và Thi Ca

Chân nhân đời xưa đưa ra một “chủ thuyết” nào, đều có như là tình phi đặc dĩ. Chẳng được mà phải nói. Nói ra, mà vẫn có chỗ như là chẳng có muốn nói ra.

Chẳng được mà phải nói tới nhân nghĩa lễ nghĩa, như Khổng Tử. Chẳng được mà phải nói bỏ nhân nghĩa lễ nghĩa đi, như Lão Tử. Chẳng được mà viết tề vật luận, như Trang Tử.

Trang Tử thường dùng phép “chi ngôn”, ấy là bởi ông đứng ngay giữa cơn lốc của sự tình bất đặc dĩ: muốn gát bỏ chuyện thị phi, mà vẫn cứ bị bó buộc phải nêu mãi chuyện thị phi.

Ta thường đem tư tưởng Khổng Lão Trang ra đối kháng nhau (kẻ chủ trương vô vi, kẻ hữu vi, kẻ xuất thế, kẻ nhập thế ...) nhưng nếu xét tới cái lẽ “sở dĩ nhiên” của những chủ trương “trái ngược” kia, ắt mọi lời phân biệt phải dừng lại. Mọi lời biện bác bỗng có tính cách phù phiếm.

Và dường như không còn ai còn có thể đưa ra được một “tổng hợp” dưới hình thức một học thuyết.

Sau ba cái khối Khổng Lão Trang, tư tưởng Trung Hoa đã đi vào phiêu nhiên trong cung bậc Đường Thi. Rồi nó kết tinh trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. *Truyện Kiều* là chỗ dung hợp của Khổng Lão Trang Phật.

Người tư tưởng không còn dám viết gì về tư tưởng nữa. Trang Tử tái sinh sẽ nghĩ sao về cuốn *Nam Hoa Kinh* của ông? Ông sẽ viết một bộ *Tân Nam Hoa Kinh*, hay là ông hồn nhiên ngâm câu thơ Hồ Dzếnh?

Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra

Hoặc câu thơ Xuân Diệu?

*Trưa hôm nay con ngồi như trẻ nhỏ
Giữa đây trưa trong lòng mẹ vô cùng
Con là sao mẹ là ngàn vạn gió
Mẹ là trời con là hạt sương rung
Sương uống mãi chẳng bao giờ hết sáng
Của trời cao chói lọi mỗi chiều ngày
Sao ca mãi, lòng trẻ run choáng vảng
Gió vẫn đầy ngàn nội bốn phương bay*

Thơ như thế là cái chốn của “tâm vô thổ hồ thị phi, hữu hồ thiên quân”.

Hồ Dzếnh

*Thơ về nắng sớm lừng bay
Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra*

Trần Xuân Kiêm

Ôi má người từ nay thôi hồng!

Thật là khủng khiếp! Ông Trần Xuân Kiêm còn trẻ hết sức mà đã khám phá ra cái chân lý khổng lồ như thế!

Ôi má người từ nay thôi hồng!

Trong chiêm bao thấy má người hồng. Mối người càng hồng hơn nữa. Tỉnh ra thấy...? Thấy gì? Có lẽ tỉnh ra thấy như cái điều ông Trang Tử đã thấy.

Thuở xa người

*Một sớm người đi theo mây bay
Ta say nằm lạnh buốt đêm dài
Tỉnh ra thấy cụm hoa đầu ngõ
Ta vẫn còn, hay nổi tàn phai?
Nửa đêm tỉnh dậy thấy sao rơi
Ta nghĩ người đang ở cuối trời
Ơi những đám mây còn lãnh tử
Xin để hồn chùng trong đêm khơi
Ôi má người từ nay thôi hồng
Gió cũng trầm thương tóc thôi hong
Mai sau thoảng nhớ mây vườn cũ
Ta yêu người bằng mối tình không*

(1-11-69)

Nguồn: Bùi Giáng, *Thi ca tư tưởng* (Số đoạn trường - Tức *Đi vào cõi thơ* cuốn II), Ca Dao xuất bản lần thứ nhất 12/69, Sài Gòn - Việt Nam. Bản điện tử do talawas thực hiện.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[1] Kim Định chẳng hạn